

CTCP DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP
BÌNH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 53 /24/ABS-CBTT/QHNĐT

Bình Thuận, ngày 20 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận
- Mã CK: ABS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 03 Nguyễn Du, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại : 84 2523 721 555
- Fax : 84 2523 722 622
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Trần Thị Hương- Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận (Theo giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin số 21/21/UQ-ABS ngày 04/12/2021)
- Loại thông tin công bố:

24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận công bố về Báo cáo Thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn : <http://www.bitagco.com/quan-he-co-dong/-bao-cao-thuong-nien/42>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.



***/Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo Thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: Phòng QHNDT; HCNS./.



TRẦN THỊ HƯỜNG





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

TẦM NHÌN

“ Công ty phấn đấu trở thành biểu tượng niềm tin hàng đầu trong lĩnh vực phân phối phân bón và xăng dầu, đồng thời phát triển lớn mạnh trên nền tảng kinh doanh đa ngành. ”

SỨ MỆNH

“ Phân phối các sản phẩm phân bón và xăng dầu có nguồn gốc đáng tin cậy, ổn định, kịp thời với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước. ”

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa các Quý vị cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác,

Năm 2023, với những ảnh hưởng tiêu cực mà thị trường trong nước phải chịu, từ sự tác động của bối cảnh toàn cầu đặc biệt nhạy cảm và đầy biến động, nhất là chiến sự Nga – Ukraina cùng với hệ lụy sâu rộng của đại dịch Covid – 19 đã, đang và sẽ ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến kinh tế thế giới và kinh tế nước ta.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chúng ta đã và đang phải đối diện với nhiều nỗi lo – vừa phải khẩn trương khắc phục bằng được những tồn tại từ nhiều năm trước theo chỉ đạo của các cơ quan chức năng, vừa phải gồng gánh “cơ bão giá” nguyên phụ liệu và các loại chi phí đầu vào khác để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Ban lãnh đạo giao phó. Điều đáng mừng nhất là trong điều kiện rất khó khăn được dự báo trước như vậy, nhưng chúng ta vẫn giữ được tinh thần lạc quan, quyết tâm nâng cao hơn nữa sức chiến đấu bền bỉ và đã chuẩn bị cho mình những kế hoạch hành động ứng biến với tầm nhìn xa.

Chúng ta còn nhiều việc phải làm, còn nhiều trở ngại chúng ta phải cùng nhau vượt qua. Chỉ làm kinh doanh thôi đã khó, chúng ta còn phải kinh doanh liên chính và phải đón đầu công nghệ mới trong thời đại công nghệ 4.0 chuyển đổi số để tạo lợi thế cạnh tranh thì lại càng khó hơn. Đôi khi, để lời nói đi đôi với việc làm, để danh dự và nhân phẩm không bị tổn thương, thật không dễ dàng gì, nhưng chúng ta đã lựa chọn con đường của mình và chúng ta luôn tự hào là người tiên phong trên con đường đó: Con đường dẫn đến thành công!

Trước những dự báo đầy khó khăn trong năm 2024, Ban lãnh đạo Bitagco đã đề ra hàng loạt các giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực kinh doanh. Trong đó, có 3 giải pháp trọng tâm được lãnh đạo Bitagco nhấn mạnh và ưu tiên, đó là “giải pháp nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, dự án mới, đối tác mới và thị trường mới”, “công tác tái cơ cấu” và “công tác phát triển nguồn nhân lực”. Đồng thời phát huy truyền thống lâu đời, lấy nông nghiệp làm nền tảng, đồng hành cùng người nông dân để truyền tải kiến thức kinh nghiệm, kỹ thuật tiên tiến thúc đẩy phát triển nền nông nghiệp hiện đại, tiến đến vị trí tập đoàn vật tư nông nghiệp, bất động sản và nhiên liệu hàng đầu Việt Nam; xây dựng, hoàn thiện lộ trình tái cơ cấu tổng thể phù hợp với điều kiện thực tế, định hướng phát triển và đảm bảo sự phát triển bền vững; xây dựng cơ chế đánh giá hiệu quả công việc, thưởng theo hiệu quả SXKD để khuyến khích, thu hút và giữ chân nhân sự có chuyên môn cao, kết hợp đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ kế thừa. Từ đó phát triển Bitagco trở thành tập đoàn đa ngành vững mạnh.

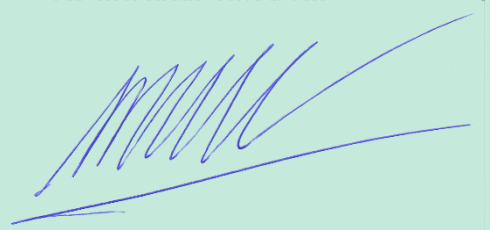
THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với thông điệp: “Kết nối - Sáng tạo - Vươn xa”, Chủ Tịch HĐQT – Doanh Nhân Việt Nam tiêu biểu - Ông Trần Văn Mười kêu gọi toàn thể CBNV-BLĐ Bitagco cam kết cùng tiếp tục chung sức chung lòng, đoàn kết, tuyệt đối tuân thủ pháp luật, kiên định giữ vững những thành trì và nền tảng mà các thế hệ Bitagco đã xây dựng kiên cố lên, cùng nhau vượt qua thử thách, quyết tâm thực hiện được những mục tiêu kế hoạch đã đề ra; hoàn thành cao nhất mục tiêu, trách nhiệm của Bitagco sẽ đẩy mạnh ngành nghề truyền thống, tìm kiếm thêm các lĩnh vực mới phù hợp với các tiềm năng sẵn có của doanh nghiệp hơn nữa, tiếp tục đổi mới để hòa nhập vào môi trường, thời đại chuyển đổi số và định hướng mới của nền kinh tế chung, bảo vệ lợi ích lâu dài của tất cả các bên đối tác, khách hàng, cổ đông và tập thể CBNV-BLĐ.

Với một nền tảng đã gây dựng được, chúng ta nhất định phải đoàn kết hơn nữa để cộng sinh nội lực chống chọi với các biến cố lớn, phát huy thế mạnh để vượt qua khó khăn, biến nguy thành cơ để tạo đà cho phát triển lâu dài. Đoàn kết là sức mạnh tổng hợp để vượt qua mọi thách thức

Đáp lại sự tin tưởng của Quý cổ đông, và các đối tác chiến lược đổi mới phù hợp với thị trường mới của HĐQT, Bitagco tự tin sẽ chuyển mình mạnh mẽ vươn mình ra khỏi những giới hạn cũ để gặt hái được nhiều kết quả tăng trưởng vượt bậc trong năm 2024.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN VĂN MƯỜI

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
 - 3.1. Mô hình quản trị
 - 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý
 - 3.3. Các công ty con, công ty liên kết tính đến 31/12/2023
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro
 - 5.1. Rủi ro kinh tế
 - 5.2. Rủi ro về luật pháp
 - 5.3. Rủi ro đặc thù
 - 5.4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu
 - 5.5. Rủi ro khác

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
 - 3.1. Các khoản đầu tư lớn.
 - 3.2. Các công ty con, công ty liên kết
4. Tình hình tài chính
 - 4.1. Tình hình tài chính
 - 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
5. Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - 5.1. Cổ phần
 - 5.2. Cơ cấu cổ đông
 - 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
 - 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ
 - 5.5. Các chứng khoán khác
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
 - 6.1. Tác động lên môi trường
 - 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.
 - 6.3. Tiêu thụ năng lượng
 - 6.4. Tiêu thụ nước
 - 6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
 - 6.6. Chính sách liên quan đến người lao động
 - 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
 - 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

MỤC LỤC

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
 - 2.1. Tình hình tài sản
 - 2.2. Tình hình nợ phải trả
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty
 - 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường
 - 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty

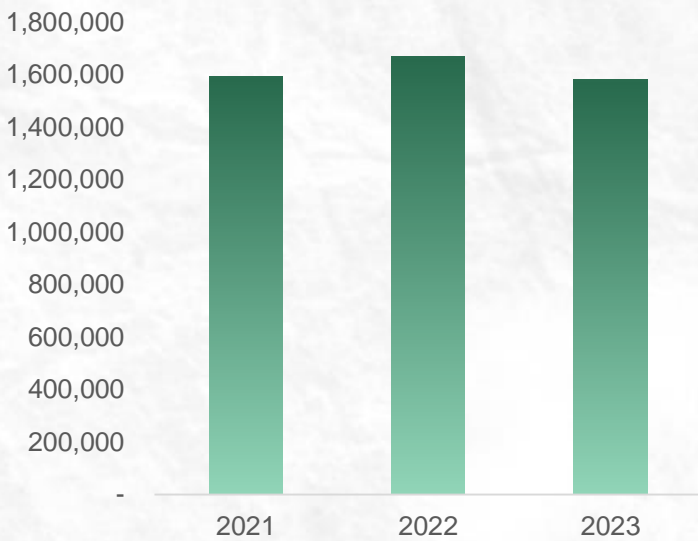
1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
 - 3.1. Lương thưởng, thù lao các khoản lợi ích
 - 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
 - 3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ
 - 3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

VI. Báo cáo tài chính

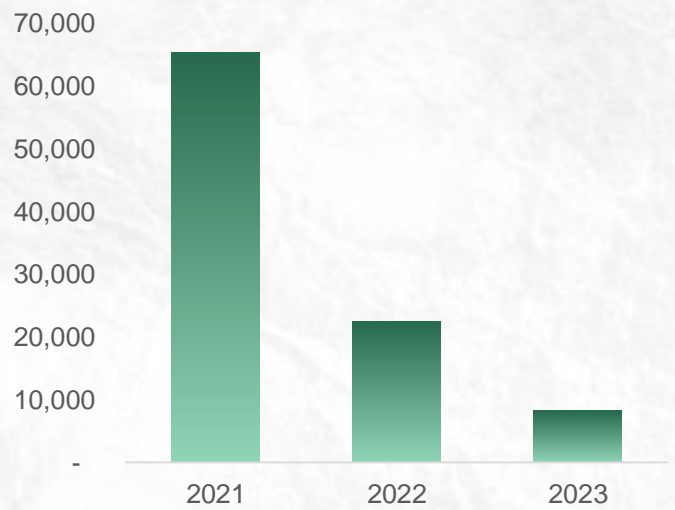
1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chỉ tiêu tài chính cơ bản

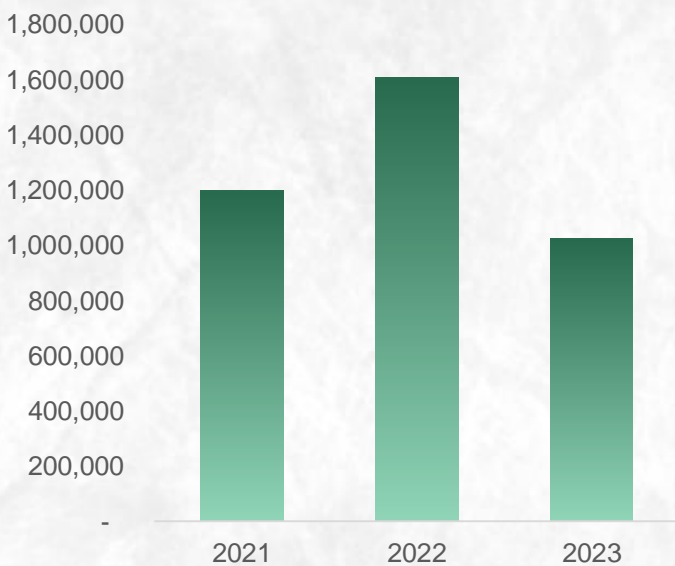
Tổng giá trị tài sản qua các năm (triệu đồng)



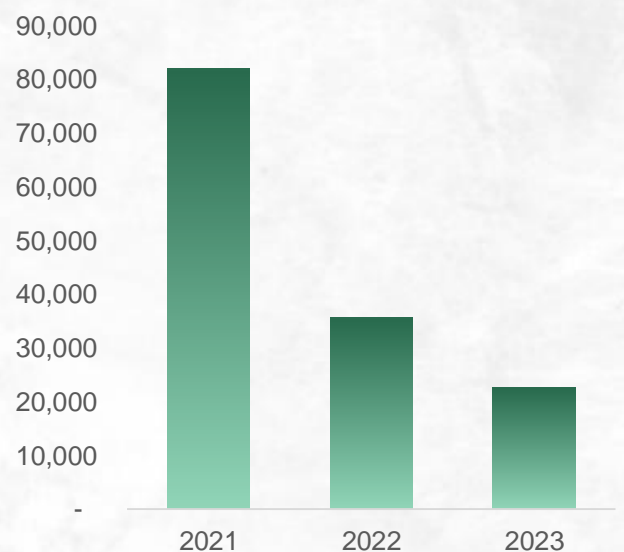
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)



Doanh thu thuần (triệu đồng)



Lợi nhuận thuần từ HĐKD (triệu đồng)



I. THÔNG TIN CHUNG

1 Thông tin khái quát

2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị

4 Định hướng phát triển

5 Các rủi ro

I. Thông tin chung

➤ 1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400382278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/05/2004, thay đổi tùy từng thời điểm
Vốn điều lệ	800.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	800.000.000.000 đồng
Địa chỉ	Số 03 Nguyễn Du, Phường Đức Thắng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Số điện thoại	(+84) 2523 816 823
Số fax	(+84) 2523 814 599
Website	http://bitagco.com
Mã cổ phiếu	ABS

Danh hiệu và giấy chứng nhận

Nhờ những nỗ lực ấy cùng với ban lãnh đạo tâm huyết, có tầm nhìn chiến lược và đội ngũ cán bộ công nhân viên nhiệt tình, có trách nhiệm, trong suốt chặng đường hoạt động của mình, Bitagco đã được các ban ngành của tỉnh đánh giá cao và trao tặng nhiều bằng khen và giải thưởng như:

01

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

Do đã có thành tích công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc năm 2006 -2008

02

Bằng khen của Trung ương hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt Nam

Do đã có thành tích xuất sắc trong phát triển sản xuất kinh doanh và tham gia hoạt động doanh nghiệp trẻ của tỉnh Bình Thuận năm 2007



03

Bằng khen của Trung ương hội các nhà doanh nghiệp trẻ Việt nam

Do đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập Kinh tế quốc tế



04

Thương hiệu tiêu biểu khu vực Đông Nam Bộ và Giải thưởng Sao Vàng Đông Nam Bộ năm 2008



05

Giấy khen của hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận

Do có thành tích trong hoạt động và xây dựng hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Bình Thuận.



06

Bằng khen của Ban chấp hành hội nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận

Do đã có thành tích trong phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi tỉnh Bình Thuận lần thứ X năm 2022.



Quá trình hình thành và phát triển

1975

Công ty Vật tư Nông nghiệp Thuận Hải được thành lập, là tiền thân của Công ty Cổ phần dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận viết tắt là Bitagco với mục tiêu cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp như: phân bón, lúa giống, thuốc trừ sâu,... cho hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay

1993

Công ty được đổi tên thành Công ty Vật tư Nông Nghiệp Bình Thuận.

2004

Công ty được cổ phần hóa và có tên gọi Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận. Trong những năm hoạt động phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận xếp hạng doanh nghiệp hạng IV.

2006

Năm đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao quyết định mua lại đa số cổ phần và trở thành cổ đông chiến lược của Bitagco.

2018

Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 8158/UBCK-GSDC ngày 12/12/2018

2019

Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chấp thuận lưu ký chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 12/2019/GCNCP- VSD ngày 15/03/2019

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 575/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2019.

2021

Công bố tham gia phát triển dự án bất động sản đẳng cấp nhất TP Vũng Tàu, cụ thể là khách sạn 5 sao và căn hộ nghỉ dưỡng Fivestar Odyssey cùng Tập đoàn Five Star Group có tổng vốn đầu tư hơn 5.000 tỷ đồng

2022

Công bố dự án Khu đô thị Five Star Eco City có tổng diện tích quy hoạch lên đến 650 ha với 3 phân khu, chính thức “thông tuyến huyết mạch” đường nội bộ kết nối với các phân khu giai đoạn 1 Lucky land và giai đoạn 2 Golden Land

2023

Hợp tác đầu tư dự án mới Khu nhà ở cao tầng tại Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City với tổng mức đầu tư dự án 2.510.206.000.000 đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất của Công ty như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669 (chính)
2	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan	4661

Địa bàn kinh doanh chính:

- Lĩnh vực kinh doanh phân bón: Địa bàn hoạt động chủ yếu miền Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, trải dài khắp các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, TP. HCM, Long An và bán qua cả nước bạn Campuchia;
- Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: Chủ yếu hoạt động trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty Bitagco được thành lập với mục tiêu ban đầu là cung cấp các sản phẩm thiết yếu cho sản xuất nông nghiệp như: phân bón, lúa giống, thuốc trừ sâu,... cho hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay.

Từ năm 2006 nhờ sự đầu tư về tài chính, công nghệ của Tập đoàn Quốc tế Năm Sao, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng phát triển, Công ty đã đầu tư kinh doanh phân phối xăng – dầu – nhớt, cho thuê kho bãi và hợp tác đầu tư bất động sản.

Với truyền thống hơn 40 năm kinh doanh phân phối vật tư nông nghiệp, Bitagco đã tạo cho mình một lượng lớn khách hàng thân thiết. Không chỉ vậy, Công ty cũng không ngừng cải thiện công tác bán hàng, chính sách ưu đãi để nâng cao năng lực cạnh tranh trong ngành.

Hiện nay Bitagco đang là một trong những nhà phân phối phân bón lớn trong khu vực.

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Bitagco đều là các doanh nghiệp uy tín và lâu năm trên thị trường như Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao, Công ty Cổ phần Phân Bón Công nghệ cao Năm Sao, Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa Chất Lâm Thao, Công ty Cổ phần Lân nung chảy Văn Điển,... Bởi vậy, nguồn cung cấp sản phẩm được kiểm định, đảm bảo về chất lượng, giảm thiểu được các rủi ro.

Ngoài ra, công ty còn kinh doanh các sản phẩm vật tư nông nghiệp khác phục vụ sản xuất như: thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu, thuốc trừ nấm bệnh...

Bitagco luôn phấn đấu với tiêu chí cũng như là tâm nguyện "chân tình, cởi mở, hết sức thân thiện với tất cả các khách hàng". Nhờ vậy mà Bitagco luôn được người dân cũng như các đại lý tin tưởng và đánh giá cao.

SẢN PHẨM PHÂN BÓN CHUYÊN DỤNG CÔNG NGHỆ CAO - THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

Đằng sau những thành tựu nông nghiệp của khu vực Nam Trung Bộ nói chung và Bình Thuận nói riêng với nhiều giống cây trồng cho hiệu quả kinh tế cao, không thể không kể đến những đóng góp thầm lặng nhưng vô cùng quan trọng của Bitagco trong việc phân phối những sản phẩm nông nghiệp không chỉ chất lượng, có giá thành hợp lý mà còn phù hợp cho nhiều loại cây trồng và phương pháp canh tác.

Bên cạnh đó, những năm gần đây, các công ty cung ứng sản phẩm cho Bitagco cũng đã thực hiện nâng cấp máy móc, dây chuyền sản xuất, tập trung nâng cao chất lượng, đa dạng chủng loại, phù hợp với nhiều loại cây trồng. Điều này đặc biệt thuận lợi cho việc công ty mang đến các sản phẩm chất lượng, duy trì lượng khách hàng ổn định và tăng trưởng qua các năm.

Sau hơn 45 năm phát triển, Bitagco đã tạo dựng được cho mình sự uy tín và thương hiệu hàng đầu tại Bình Thuận cũng như các tỉnh lân cận. Từ một doanh nghiệp khởi đầu với 150 cán bộ công nhân và 11 trạm vật tư nông nghiệp, đến nay, Công ty đã xây dựng được một mạng lưới tiêu thụ vật tư nông nghiệp rộng khắp Nam Trung Bộ và khu vực Tây Nguyên với 8 chi nhánh và hơn 500 đại lý phân phối, tiêu thụ 50-100 nghìn tấn phân bón mỗi năm, và cung ứng 18 triệu lít xăng dầu cho người dân doanh nghiệp trong khu vực trải đều khắp toàn tỉnh Bình Thuận và các tỉnh Ninh Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, nâng tổng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng.

Trong nhiều năm qua bà con nông dân đã luôn tin dùng phân bón Năm Sao cho các cây công nghiệp, nông nghiệp có giá trị cao đạt hiệu quả vượt trội. Đặc biệt tại Bình Thuận người dân nơi đây vẫn luôn tin tưởng và sử dụng phân bón chuyên dùng dạng một hạt 20-20-15+TE (Violet Plus) (được ABS độc quyền phân phối) cho cây Thanh long - giống cây kinh tế chủ lực của vùng



Đối tác chiến lược, nhà cung cấp phân bón lớn

Công ty là nhà phân phối độc quyền các sản phẩm phân bón của tập đoàn Năm Sao - doanh nghiệp sở hữu nhà máy sản xuất phân bón với công suất 600.000 tấn/năm. Các sản phẩm này đều có chất lượng cao được sản xuất dưới sự nghiên cứu trong nhiều năm của Hội đồng Các nhà khoa học và các chuyên gia đầu ngành tạo ra một dây chuyền cung ứng hiện đại, tiên tiến, chất lượng cao và an toàn.



Ngoài ra, Công ty còn là nhà phân phối lớn cho Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (Đạm Phú Mỹ), Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao, Công ty Đạm Cà Mau, Công ty cổ phần Vinacam, Công ty Cổ phần Lân nung chảy Văn Điển.



Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu



Công ty hiện đang là thương nhân phân phối và phân phối qua hệ thống các cây xăng của Công ty và bán buôn cho các đại lý nhỏ hơn trong địa bàn tỉnh Bình Thuận và các tỉnh lân cận. Hiện nay, công ty sở hữu 05 trạm xăng với tổng sức chứa kho vào khoảng 283m³, có khả năng tiêu thụ trên 10 triệu lít xăng dầu, nhớt mỗi năm, chiếm khoảng 10% trên tổng số 61 trạm xăng hiện tại trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Bitagco đã biến sự thành công trong lĩnh vực nông nghiệp thành tiền đề cho sự phát triển vào các lĩnh vực mới. Năng lượng, giao thương vận chuyển là trái tim của cuộc sống, là yếu tố sống còn giúp kinh tế phát triển, quyết định đến sự phồn thịnh của cả một khu vực.

Nhận thấy tầm quan trọng của yếu tố này, Bitagco tiếp tục đầu tư vào lĩnh vực xăng dầu, với chuỗi 5 cửa hàng phân phối các sản phẩm xăng, dầu và nhớt các loại đều nằm tại các tuyến đường quan trọng như quốc lộ 1A, QL 28, QL 55 giúp phân phối, bán buôn cho địa bàn tỉnh Bình Thuận và khu vực lân cận, đảm bảo nguồn cung cho vận tải đường bộ cũng như đường thủy, giúp hàng ngàn tàu thuyền của ngư dân đánh bắt trên ngư trường truyền thống, vương khơi bảm biển và bảo vệ chủ quyền.

Bên cạnh đó, để tối ưu hoá lợi nhuận, công ty cũng thực hiện tái phân phối nguồn xăng dầu tới các đại lý tư nhân nhỏ hơn.





CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 9

Số 301, Đường 19/4, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Bình Thuận

Diện tích: 2.247m²

• Số trụ bơm: 5 trụ • Sức chứa: 115m³



CỬA HÀNG XĂNG DẦU Km29

Khu phố Lập Hòa, Thị trấn Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận

Diện tích: 868.8 m²

• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 37m³



CỬA HÀNG XĂNG DẦU THUẬN HÒA

QL 28, Thôn Dân Trí, Xã Thuận Hòa, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận

Diện tích: 4.897m²

• Số trụ bơm: 3 trụ • Sức chứa: 24m³



CỬA HÀNG XĂNG DẦU NGÃ BA GỘP

Thôn 3, Xã Hồng Sơn, Huyện Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận

Diện tích: 1.196.6m²

• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 57m³



CỬA HÀNG XĂNG DẦU THẮNG HẢI

QL 55, Thôn Thắng Hải, Xã Thắng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận

Diện tích: 1.439m²

• Số trụ bơm: 4 trụ • Sức chứa: 50m³

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI XĂNG DẦU



DỊCH VỤ CHO THUÊ KHO BÃI

Công ty Cổ phần Dịch vụ và Nông nghiệp Bình Thuận - BITAGCO hiện đang cho thuê các địa điểm làm bến đỗ, kho bãi



BẾN ĐỖ CỬA HÀNG XĂNG DẦU SỐ 9

QL 1A, Đường 19/4, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

Diện tích: 2.247m²

Bến đỗ

Công ty cho thuê diện tích bến bãi của Cửa hàng xăng dầu số 9 làm nơi đỗ xe, rửa xe và bơm xăng của công ty Taxi Mai Linh và Taxi Quốc tế

- Địa chỉ: Đường 19/4, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Bình Thuận
- Diện tích: 2.247 m²

TỔNG KHO HÀM MỸ

Thôn Phú Sum, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận

Diện tích : ~15.000m²

Sức chứa: ~10.000 tấn



Kho tàng

Cùng với đó là trên 20 nghìn mét vuông kho bãi được Công ty cho các đơn vị kinh doanh nông nghiệp thuê kho bãi làm nơi tập kết vận chuyển nông sản.

- Kho số 1 tại Thôn Phú Sum, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Kho số 2 tại Thị Trấn Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN

ABS tiếp tục ký hợp đồng hợp tác cùng Five Star Group đầu tư vào dự án Khu nhà ở cao tầng tại Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City – một dự án đô thị tại tỉnh Long An. Dự án này có tổng mức đầu tư trên 2.510 tỷ đồng, trong đó ABS tham gia góp vốn đầu tư với số tiền gần 452 tỷ đồng.

iếp nối đà phát triển trong tất cả các mảng kinh doanh, trong năm nay, ABS tham gia vào dự án Khu nhà ở cao tầng tại khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City, đây hứa hẹn sẽ là một cơ hội để Doanh nghiệp khẳng định được vị thế của mình trên thị trường. Đây là dự án được quy hoạch với tổng diện tích 650 ha, mật độ xây dựng 40%. Được xây dựng với các loại hình sản phẩm shophouse, nhà phố liền kề, biệt thự vườn, biệt thự song lập và căn hộ.



Ngày nay, thị trường bất động sản phía Nam đang có xu hướng dịch chuyển từ khu vực trung tâm đến các vùng phụ cận và các thành phố vệ tinh của TP HCM. Vì vậy, thị trường bất động sản Long An nhanh chóng trở thành tâm điểm thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư, đặc biệt là ở phân khúc đất nền. Năm 2023 mở ra nhiều cơ hội mới cho ABS khi các gói kích thích kinh tế quy mô lớn của Chính phủ được sẵn sàng tung ra. Khu vực phía Nam sẽ có bước nhảy vọt về hạ tầng nhờ các dự án cao tốc và đầu tư công được triển khai mạnh mẽ, đây là yếu tố kích thích tăng trưởng lưu thông, kinh tế, du lịch và bất động sản cho phía Nam. ABS dự kiến được hưởng lợi lớn từ xu hướng này, với các mảng bất động sản thương mại, du lịch, đầu mối kinh doanh xăng dầu, đây sẽ là động lực tăng trưởng quan trọng trên nền vật tư - phân bón đã vững chắc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty tại 31/12/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

CHI NHÁNH

CỬA HÀNG

- + Trụ sở chính Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận:
- + Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Du, Phường Đức Thắng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- + Điện thoại: +84 2523 816 823 - Fax: +84 2523 814 599
- + Website: <http://bitagco.com>
- + Email: dvnnbinhthuan@gmail.com
- + Công ty con

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty không có công ty con.

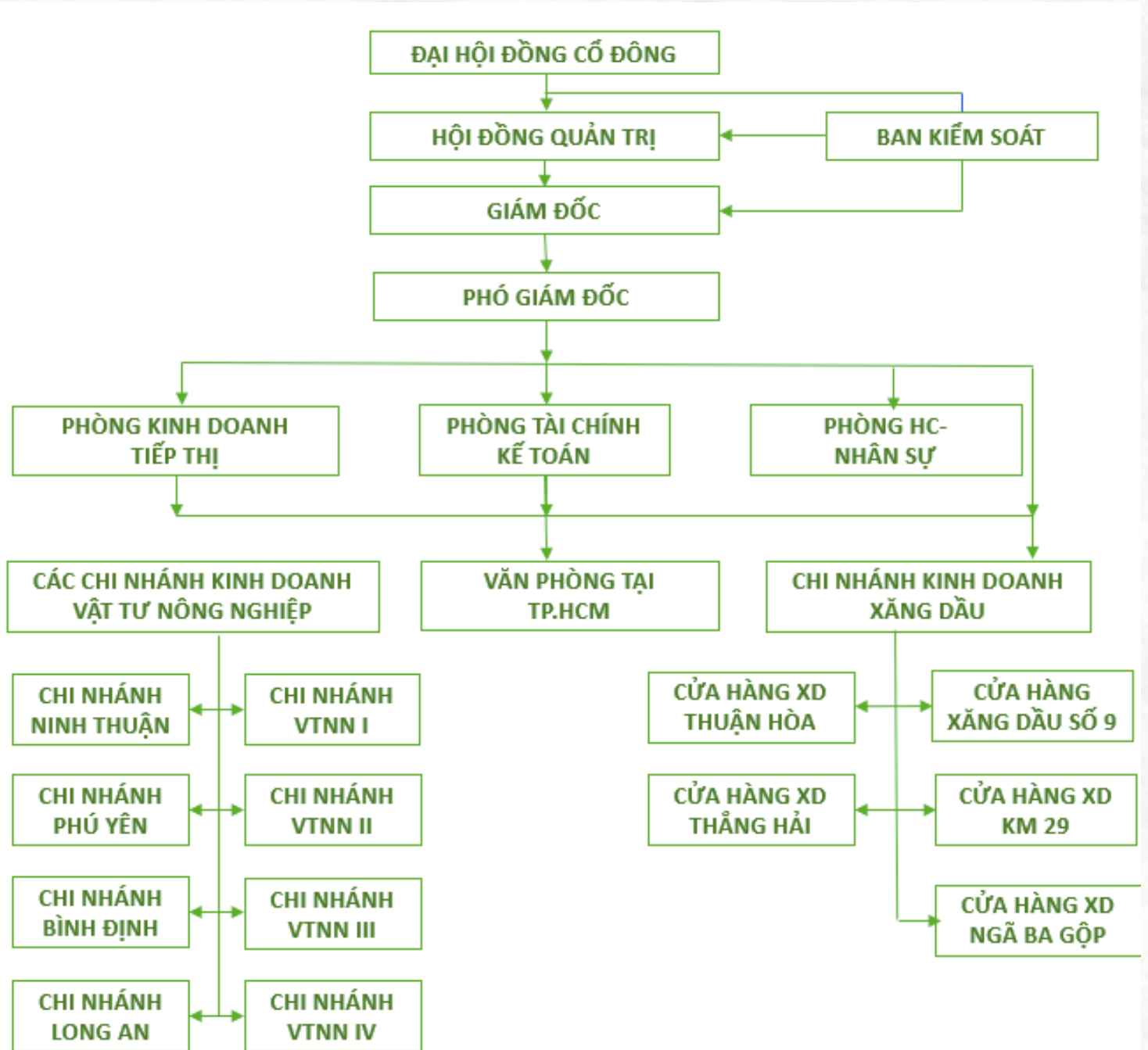
+ Các chi nhánh:

Các Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận và hạch toán kế toán phụ thuộc bao gồm 8 chi nhánh:

- Chi nhánh kinh doanh Vật tư nông nghiệp I
 - Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp II
 - Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp III
 - Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp IV
 - Chi nhánh tại Tỉnh Ninh Thuận
 - Chi nhánh tại Phú Yên
 - Chi nhánh tại Tỉnh Bình Định
 - Chi nhánh tại tỉnh Long An
- và 5 cửa hàng xăng dầu :
- Cửa hàng xăng dầu số 9
 - Cửa hàng xăng dầu Ngã Ba Gộp
 - Cửa hàng xăng dầu Thuận Hòa
 - Cửa hàng xăng dầu Km29
 - Cửa hàng xăng dầu Thăng Hải

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Quyết định số thành viên Hội đồng quản trị;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Công ty có 05 thành viên, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Loại thành viên
1	Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Đinh Quang Sáng	Phó Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
3	Ông Mai Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Bà Vũ Thị Hải	Thành viên HĐQT	Độc lập
5	Bà Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Độc lập

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Các quyền khác được quy định như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Trương Thùy Linh	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Mai Thị Thanh Hải	Thành viên ban kiểm soát
3	Bà Nguyễn Thị Cuối	Thành viên ban kiểm soát

Ban giám đốc

Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Ban Giám đốc (BGĐ) có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Cơ cấu Ban Giám đốc của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Trần Thị Hương	Giám đốc
2	Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc

Phòng Tài chính - Kế toán

Là Phòng chức năng tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty; Giúp Hội đồng Quản trị và Giám đốc kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty, bao gồm: Kế toán trưởng, Phó phòng phụ trách tổng hợp, Nhân viên kế toán hàng hóa, Nhân viên kế toán thanh toán – ngân hàng, Nhân viên thủ quỹ, Nhân viên kế toán xăng dầu.

Phòng Tài chính - Kế toán

Chức năng, nhiệm vụ của phòng:

- Xây dựng, kiểm soát hệ thống kế toán phù hợp với quy mô, sự phát triển của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành về Kế toán của Nhà nước.
- Tổ chức thực hiện, kiểm soát hệ thống quản lý tài chính nhằm đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn lành mạnh.
- Phân tích và tham mưu cho Ban giám đốc về mặt tài chính khi quyết định đầu tư, phát triển và quản lý điều hành Công ty.

Phòng Kinh doanh Tiếp thị

Là đơn vị nghiệp vụ chuyên môn thuộc cơ cấu tổ chức Công ty đặt dưới sự chỉ đạo của Giám đốc và sự chỉ đạo trực tiếp của Phó Giám đốc điều hành. Phòng kinh doanh tiếp thị bao gồm: Trưởng phòng kinh doanh, Phó phòng kinh doanh, Trưởng chi nhánh, Nhân viên thị trường, Nhân viên kinh doanh, Nhân viên quảng bá thương hiệu, Nhân viên giao nhận, Nhân viên thống kê tổng hợp theo dõi tình hình mua bán-công nợ, Nhân viên thủ kho, Nhân viên lái xe.

Chức năng và nhiệm vụ của phòng:

- Trực tiếp kinh doanh;
- Kinh doanh qua chi nhánh;
- Quản lý kho Tiếp thị;
- Quảng bá thương hiệu.

Phòng Hành chính - Nhân sự

Bao gồm: Trưởng phòng Hành chính nhân sự (HCNS), Nhân viên hành chính-văn thư-LĐTL, Nhân viên bảo vệ tạp vụ, Nhân viên lái xe con.

Chức năng, nhiệm vụ của phòng:

- Tham mưu cho Ban giám đốc trong việc nghiên cứu, vận dụng các chế độ chính sách của Nhà nước, xây dựng mô hình quản lý cải tiến và các giải pháp hữu hiệu trong tuyển dụng, đào tạo, quản lý và sử dụng nguồn nhân lực;
- Trực tiếp điều hành công tác nghiệp vụ văn phòng;
- Quan hệ với các cơ quan chức năng quản lý bên ngoài Công ty để hỗ trợ cho các hoạt động của Công ty soạn thảo và phát hành các văn bản của Công ty.

Chi nhánh xăng dầu

Bao gồm: Phó phòng kinh doanh phụ trách xăng dầu; Kế toán xăng dầu; 05 cửa hàng xăng dầu: Cửa hàng xăng dầu số 9; Cửa hàng xăng dầu Ngã Ba Gộp; Cửa hàng xăng dầu Km29; Cửa hàng xăng dầu Thuận Hòa; Cửa hàng xăng dầu Thăng Hải.

Chức năng và nhiệm vụ của Chi nhánh xăng dầu:

- Chi nhánh kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh cụ thể hàng năm, quý, tháng từng mặt hàng phù hợp với yêu cầu kinh doanh;
- Tổ chức mạng lưới đại lý, khách hàng bán lẻ và bán buôn theo cơ chế thị trường;
- Chủ động nắm bắt các nguồn hàng, tổ chức tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản đúng theo quy định của Công ty. Theo dõi quản lý hệ thống Cửa hàng, đại lý, đáp ứng hàng hóa kịp thời, đối chiếu tiền hàng, công nợ và tích cực thu hồi vốn đúng theo quy định của Công ty. Không để Đại lý, khách hàng chiếm dụng vốn làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả của đơn vị;
- Chịu trách nhiệm tổ chức mở sổ sách theo dõi, báo cáo theo quy định của Phòng Tài Chính – Kế Toán, Phòng Kinh doanh Tiếp thị;
- Tổ chức bảo vệ an toàn nhà cửa, kho hàng, tiền, hàng hóa vật tư, tài sản không để xảy ra mất mát, cháy nổ.

3.3. Các công ty con, công ty liên kết tính đến 31/12/2023

Tính đến thời điểm 31/12/2023, Công ty có 01 Công ty liên kết, thông tin cụ thể:

- Tên công ty liên kết: CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp III
- Địa chỉ: Số 24A, Tôn Thất Thuyết, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón các loại. Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất
- Vốn điều lệ thực góp: 68.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu ABS/ Vốn điều lệ: 11,95%



4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Về định hướng phát triển kinh doanh

Với sứ mệnh phân phối các sản phẩm phân bón và xăng dầu có nguồn gốc đáng tin cậy, ổn định, kịp thời với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, đem lại lợi ích tốt nhất cho các cổ đông góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước, Công ty định hướng cải thiện hoạt động bằng mua, cải thiện các phương tiện vận tải, nhà kho, điều kiện lưu trữ, trưng bày và buôn bán sản phẩm.

Bên cạnh đó, với tầm nhìn phát triển lớn mạnh trên nền tảng kinh doanh đa ngành, doanh nghiệp mở rộng song song các lĩnh vực kinh doanh đồng thời phát triển mạnh hợp tác đầu tư/đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng. Dự án phù hợp với xu thế nhu cầu sử dụng các dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng gần, tiện ích giá cả hợp lý.

Cùng với chủ trương của chính phủ tạo điều kiện phục hồi kinh tế Công ty đã định hướng mở rộng mảng đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống tổng kho và cầu cảng tại dự án Cụm Công nghiệp Quốc Tế Năm Sao.

□ **Mục tiêu về thị trường**

- Với thương hiệu và uy tín hiện tại, công ty chỉ phân phối các sản phẩm phân bón và xăng dầu có nguồn gốc tin cậy, chất lượng cao và ổn định với giá cả hợp lý, thân thiện với môi trường.
- Xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, luôn bám sát thay đổi cung cầu của thị trường để điều chỉnh cho phù hợp và kịp thời.
- củng cố hệ thống khách hàng hơn 500 đại lý phân phối trải dài từ Bình Thuận vào Bình Định hiện có, không ngừng tìm kiếm, phát triển thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực bất động sản, tận dụng các đòn bẩy kinh doanh và tài chính nhằm tăng doanh thu của công ty.

□ **Mục tiêu Tuân thủ pháp luật**

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông đã được quy định cụ thể tại Điều lệ của Công ty.



4. Định hướng phát triển

□ **Mục tiêu Quản lý, công tác tổ chức**

- Hoàn thiện, củng cố công tác tổ chức và hoạt động của Công ty với mô hình Công ty cổ phần, nâng cao trách nhiệm và tính chủ động của cán bộ công nhân viên, đảm bảo sự phát triển ổn định bền vững, lâu dài.
- Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý bán hàng, chăm sóc khách hàng, cải thiện chính sách nhằm mục tiêu mở rộng thị trường.
- Đào tạo các đội ngũ liên kết, hướng dẫn bán hàng tại các đại lý, lập kế hoạch kinh doanh rõ ràng, đánh giá đúng về tiềm lực và định hướng phát triển của công ty trong sự phát triển chung của thị trường.
- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, phục vụ nhu cầu thông tin tài chính cho tất cả các đối tượng.

□ **Mục tiêu Phát triển nguồn nhân lực**

- Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế. Đồng thời trẻ hóa lực lượng cán bộ trong Công ty.
- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt công tác, nhiệm vụ.

□ **Mục tiêu về lợi nhuận:**

- Đảm bảo lợi ích tốt nhất cho các cổ đông và đủ sức hấp dẫn, thu hút các nhà đầu tư mới;
- Đảm bảo kế hoạch Hội đồng quản trị đặt ra và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



4. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phát triển công ty lớn mạnh trên nền tảng kinh doanh đa ngành. củng cố và phát triển 2 ngành truyền thống là kinh doanh phân bón và xăng dầu, thực hiện mở rộng sang lĩnh vực kinh doanh nguyên vật liệu phân bón, tiêu thụ cả trong và ngoài nước.
- Tiếp tục mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang hợp tác đầu tư bất động sản; thực hiện đầu tư hoặc liên doanh, liên kết với các công ty có triển vọng và ngành nghề phù hợp để thực hiện các dự án đầu tư như dự án nhà ở, khách sạn, resort,....



Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Công ty luôn gắn liền sự tăng trưởng, phát triển của doanh nghiệp với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong đó, mục tiêu phát triển doanh nghiệp là mục tiêu quan trọng nhất, thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần để thực hiện các mục tiêu xã hội, môi trường.

Việc kết hợp phát triển doanh nghiệp gắn trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động trong hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển dài hạn và bền vững của Công ty.

CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là tốc độ tăng trưởng kinh tế; tỷ lệ lạm phát và lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

➤ Rủi ro lạm phát

Ngoài GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến các chủ thể tham gia hoạt động kinh tế nói chung, đặc biệt là hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp. Nguy cơ lạm phát gia tăng sẽ kéo theo chi phí sản xuất, kinh doanh tăng, trong khi giá cả hàng hóa chịu tác động của nhu cầu thị trường. Ngoài ra, rủi ro lạm phát cũng ảnh hưởng đến tỷ lệ chiết khấu sử dụng quỹ và làm giảm giá trị của dòng tiền hiện tại.

Trong năm 2023, tại Việt Nam, cả lạm phát cơ bản và lạm phát CPI đều đang được kiểm soát tốt. Tuy vậy, theo các chuyên gia, đây là chỉ số luôn phải có sự theo dõi sát sao và thận trọng trong điều hành, bởi rủi ro và các yếu tố bất định là rất lớn. Năm 2024, lạm phát được dự báo sẽ cao hơn năm 2023. Theo dự báo mới nhất của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), dù đã hạ nhiệt nhưng lạm phát toàn cầu năm 2024 vẫn ở mức cao 5,8%.

Có thể nói, những rủi ro kinh tế trên, nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, và Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận cũng không nằm ngoài sự tác động trên. Vì vậy, để ứng phó với các điều kiện thay đổi của môi trường kinh doanh, Công ty chủ động phân tích tác động của các yếu tố vĩ mô, từ đó xây dựng định hướng và chiến lược kinh doanh trung và dài hạn, để đảm bảo tăng trưởng ổn định và có hiệu quả.

CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro luật pháp

Là một doanh nghiệp Việt Nam, các hoạt động của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận luôn chịu sự điều chỉnh của pháp luật, các chính sách và quy định tại Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật thương mại, Luật Đầu tư, pháp luật về thuế... Ngoài ra, Công ty được niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, và các quy định pháp luật liên quan.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh phù hợp với sự phát triển kinh tế. Bởi vậy, rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty. Sự thay đổi trong hệ thống pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh, phát triển của công ty.

➤ Rủi ro đặc thù

Rủi ro về thời tiết

Ngành sản xuất và kinh doanh phân bón có mối quan hệ mật thiết với hoạt động sản xuất Nông nghiệp. Việt Nam là quốc gia có khí hậu nhiệt đới gió mùa, là khu vực có rất nhiều yếu tố thuận lợi về khí hậu và thổ nhưỡng cho phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, khí hậu cũng thường xuyên thay đổi thất thường tác động trực tiếp tới hoạt động sản xuất, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới ngành sản xuất và kinh doanh phân bón. Doanh nghiệp cũng từ đó chịu không ít các ảnh hưởng mà thời tiết mang lại, nhất là với một doanh nghiệp liên quan nhiều đến nông nghiệp như ABS. Vì vậy, ABS cần có những cách khắc phục cụ thể phù hợp với yếu tố khí hậu thời tiết đặc thù ở Việt Nam.

Rủi ro từ nhà cung cấp các nguyên liệu đầu vào

Công ty ngoài là đại lý bán buôn các mặt hàng phân bón và xăng dầu thì còn thực hiện sản xuất phân bón. Bởi vậy, sự biến động giá và chính sách bán hàng của các nhà cung cấp nguyên vật liệu sản xuất cũng tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro đặc thù

Rủi ro về biến động giá xăng dầu trên thế giới

Là một lĩnh vực kinh doanh đặc thù, bởi vậy sự biến động của giá xăng dầu trên thế giới cũng phần nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Năm 2023, tỷ giá USD/VND trung tâm tăng khoảng 1,23%, giá USD bán ra tại các ngân hàng thương mại tăng khoảng hơn 3% so với VND. Đây là mức biến động tương đối ổn định dù giá bán USD tại các ngân hàng thương mại đã có lúc tăng hơn 4% so với VND.

Ngày 10/11, Ngân hàng Nhà nước đã tăng tỷ giá trung tâm 12 đồng, lên 24.014 đồng/USD. Theo đó, tỷ giá được phép giao dịch của ngân hàng thương mại dao động từ 23.400 - 25.164 VND/USD. Cùng với đó, tỷ giá đồng USD cũng được Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước đưa về phạm vi mua bán từ 23.400 - 25.164 VND/USD. Tính chung trong vòng 10 ngày đầu tháng 11, tỷ giá trung tâm tăng 25 đồng và theo đó, các ngân hàng thương mại cũng tăng nhẹ giá USD niêm yết. Trong tháng 11, tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng có xu hướng giảm mạnh khoảng 300 - 350 điểm về quanh mức 24.250 - 24.270. Như vậy, tính từ đầu năm, tỷ giá USD/VND đã tăng gần 3% - mức khá ổn định so với các cặp tỷ giá trong khu vực

Theo các chuyên gia, Ngân hàng Nhà nước sẽ tiếp tục kiên trì chính sách nâng lãi suất nhằm mục tiêu ổn định tỷ giá để giảm áp lực lạm phát vào năm 2024. Chuyên gia dự báo tỷ giá sẽ ổn định mức 23.500 - 24.500 VND/USD trong năm 2024. ABS là Công ty chủ yếu kinh doanh tại thị trường nội địa là mảng chính, vì vậy những tác động biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động một phần chứ không tác động hết các mảng kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về biến động giá bất động sản

Việc Ngân hàng Nhà nước dự kiến bổ sung nhiều quy định siết chặt hoạt động cho vay liên quan đến vốn vay tín dụng liên quan nhiều đến thị trường bất động sản cùng với việc sức cầu hạn chế của thị trường bất động sản Việt Nam làm nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn. Là một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó bao gồm cả hoạt động hợp tác đầu tư với các dự án bất động sản, bởi vậy, biến động giá cả bất động sản ảnh hưởng trực tiếp đến khoản đầu tư hiện có của công ty

CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro giá cổ phiếu

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mối quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vi mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Cụ thể xu hướng tăng trưởng ổn định của thị trường chưa được khẳng định chắc chắn khi hoạt động của các doanh nghiệp nói chung vẫn còn gặp nhiều khó khăn sau dịch bệnh Covid-19; bên cạnh đó thị trường chứng khoán còn bất ổn đã có ít nhiều tác động đến tâm lý nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư dè dặt hơn trong việc đưa ra các quyết định đầu tư của mình và không dám đầu tư mạo hiểm. Để giảm thiểu một cách tối đa rủi ro có thể xảy ra đối với biến động của giá cổ phiếu, Công ty đã ban hành Quy chế công bố thông tin nhằm ràng buộc trách nhiệm của các cá nhân liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ và kịp thời những quy định về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

➤ Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, v.v là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dịch bệnh là rủi ro bất khả kháng, do đó, để giảm thiểu thiệt hại các ngành, lĩnh vực, Công ty phải chấp nhận và có biện pháp cho riêng mình, sau đó mới tính đến hoạt động hỗ trợ kỹ thuật của Nhà nước về việc giảm chi phí, tăng cơ hội chuyển đổi.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

2 Tổ chức và nhân sự

3 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

4 Tình hình tài chính

5 Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6 Báo cáo các hoạt động liên quan đến môi trường và xã hội trong công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

● Kết quả

- Doanh thu năm 2023 thấp hơn năm 2022, nguyên nhân do chịu ảnh hưởng của suy thoái kinh tế
- Lợi nhuận năm 2023 giảm nhiều so với năm 2022 do chi phí tài chính tăng cao và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 giảm vì thuế TNDN phải nộp tăng lên khi tính thuế liên quan đến phần chi phí lãi vay không được tính vào chi phí được trừ do giao dịch liên kết.

● Những thay đổi, biến động lớn

- Mảng phân bón: Trong năm công ty đem lại hơn 879 tỷ đồng doanh thu cho mảng phân bón, giảm 36,4% so với 2022. Trong năm 2023, thị trường phân bón tại Việt Nam đã có nhiều biến động và thách thức do ảnh hưởng của các yếu tố quốc tế. Sản lượng sản xuất và xuất nhập khẩu phân bón đều giảm so với năm 2022, trong khi giá phân bón đã giảm so với đỉnh điểm năm trước dù vẫn ở mức cao hơn trước đại dịch COVID-19.
- Mảng xăng dầu: Doanh thu mảng xăng dầu đạt khoảng trên 146 tỷ đồng, giảm 34,5% so với năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm 2023, giá xăng dầu của Công ty chịu tác động từ sự biến động giá xăng dầu thế giới với diễn biến khó đoán định, đặc biệt trong những tháng cuối năm giá xăng dầu thế giới liên tục biến động theo xu hướng giảm. Trong nước, các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu gặp nhiều khó khăn khi không tiếp cận được nguồn vốn tín dụng, nhiều doanh nghiệp xin giải thể, đóng cửa
- Ngày 15/03/2023, HĐQT Công ty thông qua nghị quyết số 06/23/NQ/HĐQT-ABS về việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của VCD Riverbank. Đến ngày 31/03/2023 Công ty đã hoàn thành xong 2 hợp đồng giao dịch chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần VCD Riverbank cho các cá nhân với tổng giá trị hơn 433 tỷ đồng (giao dịch này phát sinh khoản lãi trong năm 2023).

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Bảng 1: Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		
	Kế hoạch	Thực hiện	% thực hiện
1. Doanh thu thuần	1.300.000	1.025.223	78,84%
2. Lợi nhuận trước thuế	86.000	22.233	25,85%
3. Lợi nhuận sau thuế	64.000	8.287	12,95%

Nguyên nhân của việc không đạt/ đạt/ vượt các chỉ tiêu

• **Nông nghiệp:**

Năm 2023, trong tình hình suy thoái kinh tế, người dân có xu hướng thu hẹp sản xuất, giảm diện tích cây trồng, từ đó giảm nhu cầu phân bón, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

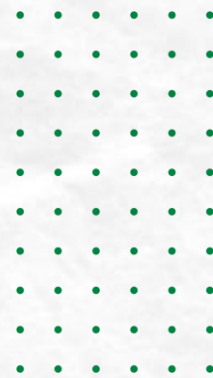
Những khó khăn về quản lý, chính sách cần được tháo gỡ để ổn định thị trường, tạo sự bứt phá cho ngành phân bón nói chung.

• **Xăng dầu:**

Giá xăng dầu tiềm ẩn nhiều rủi ro và chịu chi phối bởi một số nhân tố chính như cung-cầu toàn cầu, xung đột Nga-Ukraine.

Nhiều thời điểm chiết khấu xăng dầu về rất thấp, thậm chí bằng 0, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu, hàng tồn kho và biên lợi nhuận của nhóm doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



● Danh sách Ban điều hành

Bảng 2: Danh sách Ban điều hành của Công ty tại thời điểm 31/12/2023

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần năm giữ	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Hường	Giám đốc	0 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 04/12/2021
2	Ông Đỗ Việt Hà	Phó Giám đốc	272 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 04/12/2021
3	Ông Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng	62.250 cổ phần	Bổ nhiệm từ ngày 05/03/2010

Sơ yếu lí lịch:



Bà Trần Thị Hường – Giám đốc

Bà Hường là cử nhân kinh tế. Bà được bổ nhiệm là Giám đốc của Công ty từ ngày 04/12/2021 đến thời điểm hiện tại. Bà có nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí quản lý tại các công ty lớn.



Ông Đỗ Việt Hà – Phó Giám đốc

Ông Hà là cử nhân thương mại tốt nghiệp trường RMIT. Ông Hà là cử nhân kinh tế. Ông được bổ nhiệm là Phó Giám đốc của Công ty từ ngày 04/12/2021 đến thời điểm hiện tại. Ông có nhiều năm kinh nghiệm ở các vị trí tại các công ty lớn.



Ông Nguyễn Văn Thủy – Kế toán trưởng

Ông Thủy là cử nhân kinh tế, tốt nghiệp trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Ông làm kế toán cho Công ty từ khi Công ty còn là Công ty 100% vốn nhà nước, đến nay Ông đã có hơn 25 năm kinh nghiệm về kế toán tài chính.

● Số lượng cán bộ, nhân viên

Bảng 3: Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2023

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tổng số	44	100
Phân loại theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	9	20,5
Trình độ Cao đẳng	4	9,1
Trình độ Trung cấp	6	13,6
Chứng chỉ nghề	11	25
Lao động phổ thông	14	31,8
Phân theo loại hợp đồng lao động		
Hợp đồng lao động không thời hạn	26	59
Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	18	41
Hợp đồng thời vụ		
Phân theo giới tính		
Nam	35	79,5
Nữ	11	20,5

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

● Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Công tác tuyển dụng: Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty. Phát triển chất lượng đội ngũ cán bộ, thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường đồng thời đầu tư đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nội bộ vẫn là trọng tâm của công ty trong năm 2023.

● Chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động (tiếp)

- **Công tác lương thưởng:** Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt, tuân thủ quy chế tiền lương của công ty cũng như các quy định của pháp luật. Tất cả nhân viên làm việc được hưởng lương theo đúng chức danh công việc đảm nhận, và đảm bảo đúng với năng lực làm việc. Công ty tiếp tục hoàn thiện quy chế lương thưởng để tăng sự gắn kết của nhân viên.



- **Chính sách đãi ngộ, phúc lợi:** Bên cạnh việc tuân thủ đúng các chế độ lương thưởng đã đăng ký với cơ quan chính quyền và cam kết với người lao động, Công ty còn xây dựng và thực hiện rất nhiều các chế độ đãi ngộ, phúc lợi khác để động viên nhân viên cũng như ghi nhận những nỗ lực, đóng góp của các cá nhân, tập thể: Ngoài chương trình bảo hiểm y tế bắt buộc theo luật bảo hiểm xã hội (BHXH); nhân viên được trợ cấp, tặng quà ngày lễ và các dịp đặc biệt, khen thưởng con em học giỏi và có thành tích xuất sắc, thăm hỏi ốm đau, hiếu hỉ, trợ cấp cho những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức tất niên, nghỉ mát, chế độ hưu trí, đào tạo nhân viên, duy trì các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, hội đoàn.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ABS đầu tư vào khu sinh thái Five Star Eco City. Hiện tại hợp đồng hợp tác đầu tư này đã được thanh lý ngày 14/10/2023 và tiếp tục hợp tác đầu tư dự án mới Khu nhà ở cao tầng tại Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City với tổng mức đầu tư dự án 2.510.206.000.000 đồng

● Các khoản đầu tư lớn

Khoản góp vốn hợp tác đầu tư bất động sản cùng với Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao theo hợp đồng số 01/HĐHTĐT-NS-ABS ngày 16/10/2023 cụ thể :

- **Nội dung hợp tác đầu tư:** Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở cao tầng tại Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City
- **Chủ đầu tư dự án** : Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao
- **Tổng mức đầu tư dự án** : 2.510.206.000.000 đồng
- **Vốn góp đầu tư** : Công ty sẽ tham gia đầu tư với số tiền là 451.837.080.000 đồng
- **Tình hình triển khai dự án** : Hiện tại đến 31/12/2023 xây dựng cơ sở hạ tầng và tiếp tục giai đoạn 2: bồi thường và giải phóng mặt bằng; hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng
- **Hiệu quả đầu tư** : Hiện tại dự án đang trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng nên lợi nhuận năm nay không phát sinh

● Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con và có một công ty liên kết là công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III

- **Tên công ty liên kết** : CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp III
- **Địa chỉ** : Số 24A, Tôn Thất Thuyết, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- **Giấy chứng nhận ĐKDN** : Số 03031710329 và bắt đầu hoạt động vào ngày 16/1/2004
- **Lĩnh vực kinh doanh chính** : Kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón các loại. Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất
- **Vốn điều lệ thực góp** : 68.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ** : 11,95%

Bảng 4: Tình hình tài chính của CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2023
1. Tổng giá trị tài sản	2.664.220.094.757
2. Vốn chủ sở hữu	627.120.924.651
3. Doanh thu thuần	469.420.427.962
4. Lợi nhuận từ HĐKD	-8.176.571.540
5. Lợi nhuận khác	8.981.358.639
6. Lợi nhuận trước thuế	804.787.099
7. Lợi nhuận sau thuế	804.787.099

(Nguồn : BCTC đã kiểm toán năm 2023 của CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư Nông nghiệp III)

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 5: Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 2022 - 2023

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/giảm
1. Tổng giá trị tài sản	1.669.271.116.551	1.579.205.344.498	-5,40%
2. Vốn chủ sở hữu	905.676.216.608	913.963.226.279	0,92%
3. Doanh thu thuần	1.605.336.430.616	1.025.222.515.712	-36,14%
4. Lợi nhuận thuần từ HĐKD	35.680.556.614	22.720.953.375	-36,32%
5. Lợi nhuận khác	-1.809.253.534	-487.806.475	-73,04%
6. Lợi nhuận trước thuế	33.871.303.080	22.233.146.900	-34,36%
7. Lợi nhuận sau thuế	22.539.691.244	8.287.009.671	-63,23%
8. Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến)	5%	-	n/a

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty)

Luỹ kế trong năm 2023, Bitagco ghi nhận doanh thu đạt 1.025,22 tỷ đồng, giảm 36,14% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 8,287 tỷ đồng, giảm 63,23% so với cùng kỳ năm trước. Năm 2023, Bitagco đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 1.300 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 64 tỷ đồng. Như vậy, kết thúc năm tài chính 2023 với lợi nhuận đạt 8,287 tỷ đồng, Công ty không hoàn thành kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao cho Ban điều hành, tỷ lệ hoàn thành chỉ là 12,95% so với kế hoạch lợi nhuận năm.

Trong nhiều năm trở lại đây, doanh thu của Bitagco chủ yếu đến từ bán phân bón các loại, sản phẩm khác thuộc nông nghiệp; doanh thu bán xăng, dầu, nhớt các loại... . Đồng thời, do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, nông dân giảm diện tích cây trồng, giảm đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón của bà con nông dân giảm, ảnh hưởng tiêu cực tới các doanh nghiệp phân bón.

Kinh doanh xăng dầu cũng gặp rất nhiều khó khăn do các xung đột địa chính trị phức tạp năm 2023 góp phần đẩy giá xăng dầu lên cao, biên độ giao động của giá dầu quá lớn khiến cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu thua lỗ nặng.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính của Công ty năm 2022 - 2023

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (= TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,78	1,69
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,77	1,68
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46%	42%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	84%	73%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho BQ	Lần	119,77	222,23
Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	Lần	0,98	0,63
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,40%	0,81%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	2,46%	0,91%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	1,38%	0,51%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,22%	2,22%
Thu nhập trên vốn cổ phần EPS	Đồng/CP	268	98

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2022, năm 2023 của Công ty)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty: Hệ số này phản ánh khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Năm 2023 chỉ tiêu thấp hơn so với năm 2022 (lần lượt là 1,78 và 1,69). Điều này cho thấy khả năng chuyển đổi tài sản thành tiền để thanh toán cho các khoản nợ ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo, tuy nhiên khả năng thanh khoản đã có dấu hiệu giảm nhẹ.

Chỉ tiêu khả năng thanh toán nhanh phản ánh khả năng doanh nghiệp dùng tiền hoặc tài sản có thể chuyển đổi nhanh thành tiền để trả nợ ngay khi đến hạn và quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán nhanh của Công ty giảm từ mức 1,77 vào năm 2022 xuống mức 1,68 lần vào năm 2023. Khối lượng hàng tồn kho tiếp tục giảm, tuy nhiên do Công ty vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề từ giá phân bón giảm sút từ đầu năm 2022 kéo đến năm 2023 và giá xăng dầu tăng giảm với biên độ lớn xuyên suốt năm 2023.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong hai năm gần đây, giá trị các khoản nợ của Công ty có xu hướng giảm. Hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên tổng nguồn vốn của Công ty lần lượt giảm từ 46% xuống 42% và từ 84% xuống 73% vào năm 2023. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng nợ thấp hơn tốc độ tăng trưởng tài sản và vốn chủ sở hữu, đây là điều tích cực, cho thấy hoạt động điều hành của Công ty đang đi đúng hướng.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2023, chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Đây là dấu hiệu cho thấy các tài sản của Công ty đang được khai thác, sử dụng có hiệu quả. Hàng hoá được đem ra thị trường tiêu thụ đều đặn, không tồn đọng.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khi kết thúc năm 2023 đều giảm nhẹ so với năm 2022. Tổng tài sản bình quân, doanh thu thuần hay vốn chủ sở hữu giữa 2 năm đều không có sự chênh lệch đáng kể, nguyên nhân các chỉ tiêu khả năng sinh lời giảm chủ yếu do lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2023 bị giảm và phần lớn việc này là do chi phí hàng bán tăng lên, thêm vào đó Công ty nhập Hàng tồn kho với giá cao nhưng giá bán không được tương xứng.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

● Cổ phần

- Tổng số cổ phần tại thời điểm 31/12/2023: 80.000.000 cổ phần
- Trong đó:
- Cổ phiếu tự do chuyển nhượng : 80.000.000 cổ phần
- Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng : 00 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông

● Cơ cấu cổ đông

Bảng 7: Cơ cấu cổ đông của công ty tại thời điểm 31/12/2023

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ
I	Cổ đông trong nước	9.619	79.998.733	99,998%
1	Tổ chức	17	106.151	0,132%
2	Cá nhân	9.602	79.892.582	99,866%
3	Cổ đông ưu đãi	0		
II	Cổ đông nước ngoài	4	1.267	0,002%
1	Tổ chức	1	5	0
2	Cá nhân	3	1.262	0
3	Cổ đông ưu đãi	0	0	0
III	Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (*)	0	0	0
IV	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
	Cộng	9.623	80.000.000	100,000%

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Bảng 8: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tại thời điểm 31/12/2023

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/Hộ chiếu/ Ngày cấp/ Nơi cấp	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Văn Mươi	34.1 Topaz 2 C/c Saigon Pearl, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	052073000291 13/09/2018 Cục ĐKQLCT&DLQG về dân cư	10.000.000	12,5%

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

● Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2023 không có sự thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

● Giao dịch cổ phiếu quỹ

Năm 2023 Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ

● Các chứng khoán khác

Công ty không có các loại chứng khoán khác

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

● Tác động lên môi trường

□ **Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp : Không có**

Tất cả các nguồn thải (nước thải, khí thải) đều được xử lý và đáp ứng tiêu chuẩn ISO14001:2015 trước khi xả thải ra môi trường. Chất thải rắn, chất thải nguy hại đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định của Thông tư, Nghị định hiện hành.

□ **Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:**

- Đầu tư máy móc mới, thiết bị hiện đại, đúng chuẩn, luôn chú ý đến việc tiết kiệm điện, nước, giảm thiểu khí thải, giảm thiểu tiếng ồn trong các dự án, cách âm, giảm thiểu thải khói, mùi, khí ô nhiễm ra xung quanh....;
- Phát huy Đề án bảo vệ môi trường trong quản lý các công trình Bất động sản;
- Kiến tạo sản phẩm xanh, không gian sống gần gũi với thiên nhiên, góp phần bảo vệ môi trường;
- Cùng nhà thầu xem xét thực hiện các giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công an toàn cao, bảo vệ môi trường trong thi công;

● Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Năm 2023 là năm khó khăn về nguồn nguyên vật liệu sản xuất nên Công ty chủ trương kinh doanh chủ yếu các sản phẩm thương mại từ các đơn vị sản xuất.

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận chủ yếu là phân bón, xăng dầu và đầu tư bất động sản. Do đó nguyên vật liệu và các yếu tố đầu vào của Công ty chủ yếu là đạm Urê, kali trắng và một số nguyên vật liệu phụ trợ khác. Do đó, Công ty không có thu hồi và tái chế các sản phẩm dịch vụ do Công ty cung cấp.

Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu luôn được Công ty quan tâm thực hiện và chỉ đạo sát sao:

- Thực hiện thu hồi giá trị sau xử lý của chất thải, các phế phẩm có khả năng tận thu, tái chế;
- Luôn luôn cập nhật và kiện toàn thủ tục quản lý về môi trường tại Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật.

● Tiêu thụ năng lượng

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Sử dụng trực tiếp nguồn cấp điện của địa phương với công suất phù hợp. Tiêu thụ điện trong năm của Công ty khoảng hơn 15.000 kWh.

Công ty đã ban hành quy chế định mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu và năng lượng trên mỗi đơn vị sản phẩm nhằm kiểm soát, đồng thời xây dựng và khuyến khích người lao động sáng kiến, áp dụng vào sản xuất với mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phối hợp với các phòng ban trong công ty tổ chức tuyên truyền tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường.

Đề xuất bổ sung quy chế khen thưởng khích lệ người lao động, cán bộ nhân viên tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường.

● Tiêu thụ năng lượng

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
- Lắp đặt các thiết bị máy móc tiết kiệm năng lượng.
 - Lắp đặt hệ thống đèn điện năng lượng mặt trời tại các cửa hàng sử dụng năng lượng điện thường xuyên trong kinh doanh.
- c Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: qua số liệu tiêu thụ điện năng năm 2023 cho thấy Công ty đã tiết kiệm trên 70% so với năm 2022.

● Tiêu thụ nước

- a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng
- Lượng nước tiêu thụ trong năm 2023 của Công ty là khoảng 2.500 m³ nước. Sử dụng các nguồn cấp nước sạch tại các nhà máy cung cấp nước của địa phương với lưu lượng phù hợp với từng dự án cụ thể.
 - Ứng dụng các thiết bị điện tử kiểm soát lượng nước tiêu thụ nhằm phát hiện sớm các thất thoát, sự cố để khắc phục kịp thời – tránh thất thoát trong quá trình sử dụng nước.
 - Trong thiết kế kỹ thuật, sử dụng các loại vòi cảm ứng, vòi có chế độ trộn khí trong quá trình xả, bồn cầu 2 chế độ xả, máy giặt tự động với công suất lớn... để tiết kiệm nước một cách tốt nhất.

b. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Công ty luôn hướng đến việc tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước nhờ vào:

- Sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý;
- Có kế hoạch thay thế, loại bỏ dần phương tiện, thiết bị có công nghệ lạc hậu, tiêu thụ nhiều nước;

Hiện tại Công ty chưa tái sử dụng được nguồn nước sinh hoạt tuy nhiên công ty đang tiến hành cải tiến, hợp lý hóa quy trình sử dụng nước; áp dụng kỹ thuật, công nghệ, thiết bị tiên tiến trong khai thác, sử dụng nước; tăng khả năng sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; tích trữ nước mưa để sử dụng... đảm bảo sử dụng tiết kiệm nước một cách hiệu quả.

● Tiêu thụ nước

c. Xử lý rác nội bộ, đáp ứng các tiêu chuẩn xử lý chất thải rắn hoặc Công ty có hợp đồng với chính quyền địa phương/công ty xử lý rác công cộng :

- Công ty có hợp đồng với chính quyền địa phương xử lý rác thải nội bộ bên cạnh đó Công ty cũng có hợp đồng với 1 đơn vị chuyên thu gom chất thải rắn chất thải độc hại và luôn có kế hoạch tập kết thu gom tại các cửa hàng đơn vị trực thuộc Công ty.
- Công ty không có hệ thống xử lý nước thải trước khi thải ra hệ thống thoát nước do Công ty không tạo ra nước thải phải xử lý theo quy định.

● Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

● Chính sách liên quan đến người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận đã xây dựng và phát triển chế độ lao động, chính sách ưu đãi hợp lý đối với người lao động.

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tính đến 31/12/2023 số lượng lao động làm việc tại công ty là 44 người, mức lương trung bình đối với người lao động như sau:

Bảng 9: Lương bình quân của Công ty giai đoạn 2022 – 2023

Năm	2022	2023
Lương bình quân (đồng/tháng)	10.366.000	10.734.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: 40h/năm
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: thường xuyên cho người lao động tham gia các khóa học đào tạo nghiệp vụ PCCC, an toàn lao động, Bảo vệ môi trường, Nghiệp vụ bán hàng,...

Lao động của Công ty đều thông qua đào tạo để đáp ứng công việc theo kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp cho lực lượng lao động trực tiếp giản đơn.

● Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Ngày 18/04/2023 kết hợp cùng với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Hội quần chúng tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tặng quà cho người khuyết tật nhân ngày “Kỷ niệm Ngày Người khuyết tật Việt Nam (18/4) năm 2023” với tinh thần tương thân, tương ái, giúp đỡ người khuyết tật hòa nhập cộng đồng; tạo điều kiện cho người khuyết tật tham gia bình đẳng vào các hoạt động xã hội; giúp cho người khuyết tật tự tin và ý thức vai trò của mình trong đời sống xã hội.



Đại diện công ty trao tặng quà cho hội người khuyết tật tỉnh Bình Thuận.

● Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương (tiếp theo)

Bên cạnh đó Bitagco tiếp tục duy trì cùng với xe cứu thương SBC Bình Thuận để hỗ trợ bệnh nhân gặp khó khăn và bất hạnh, Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận (Bitagco) chung tay hỗ trợ 150 lít xăng dầu mỗi tháng cùng với đội xe cứu thương SCB Bình Thuận để hỗ trợ bệnh nhân trong các chuyến xe 0 đồng.



(Bitagco hỗ trợ 150 lít xăng dầu mỗi tháng đồng hành cùng xe cứu thương SBC Bình Thuận)

● Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Đối với lĩnh vực chứng khoán, thị trường vốn đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch nền kinh tế Việt Nam theo hướng xanh. Nhận thấy tầm quan trọng của thị trường vốn xanh trong phát triển cộng đồng, Công ty vẫn tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu thị trường vốn xanh. Việc tiếp tục đưa ra những lộ trình tăng trưởng thị trường vốn xanh bao gồm các bước:

- Thiết lập kế hoạch tăng trưởng xanh: Trong đó, xác định mục tiêu phát triển và tăng trưởng; Xác định và kiểm tra kế hoạch tăng trưởng xanh hiện tại (nếu có); Đánh giá các điều kiện kinh tế, xã hội, môi trường, chính trị, thể chế, chính sách, khuôn khổ pháp lý và các tác động đối với tăng trưởng xanh.
- Đánh giá theo ngành: Đánh giá tiềm năng/nhu cầu theo ngành về tăng trưởng xanh để hoàn thành các mục tiêu kinh tế và phát triển; Ưu tiên đầu tư theo ngành; Đánh giá hệ quả các ngành ưu tiên.
- Chuẩn bị chính sách: Xác định các tiêu chuẩn và yêu cầu về sinh thái; Xác định các BC chứng nhận và các phương pháp xác minh; Ngành công nghiệp; Khu vực sinh thái (như nước, chất thải nông nghiệp...); Xác định hình phạt đối với việc không tuân thủ.
- Cấp vốn: Cung cấp các phương án cấp vốn; Đánh giá thuế; Phân bổ giữa khu vực tư nhân và khu vực công.
- Thực hiện chính sách: Triển khai thực hiện một cách thực tế và hiệu quả.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

01

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

02

Tình hình tài chính

03

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

04

Kế hoạch phát triển trong tương lai

05

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.

06

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu thuần: **1.025,22** tỷ đồng, giảm 36,14% so với cùng kỳ, đạt 78,86% so với kế hoạch năm 2023.

Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt **22,233** tỷ đồng, giảm 34,36% so với cùng kỳ, đạt 25,85% so với kế hoạch năm 2023.

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt **8,287** tỷ đồng, giảm 63,23% so với cùng kỳ, đạt 12,95% so với kế hoạch năm 2023.



Trong năm 2023, doanh thu thuần từ bán phân bón, sản phẩm nông nghiệp của Công ty vẫn mang lại doanh thu chủ yếu, đạt 879,09 tỷ đồng, giảm 36,04% so với năm 2022.

Năm 2023, Công ty đã tăng mạnh các khoản chi trả cho các chi phí để quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đã khiến chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh lên đến 176,28% so với năm 2022. Chính vì vậy, lợi nhuận trước thuế của Công ty chỉ đạt 22,233 tỷ đồng, thấp hơn so với năm 2022 và so với kế hoạch đặt ra trong năm 2023.

Vì vậy, bước sang năm 2024, Công ty vẫn tiếp tục xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh phát triển 2 ngành kinh doanh truyền thống là kinh doanh phân bón và kinh doanh xăng dầu đồng thời tiếp tục phát triển hợp tác vào các dự án bất động sản; nghiên cứu các khu đất hiện có của Công ty, song song với đó tiếp tục chú trọng đầu tư với mục tiêu nhất định sẽ có doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng so với năm 2023.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2023,

Thuận lợi:

- Giá cả một số loại nông sản, như: Lúa, Cà phê, Tiêu, Sầu Riêng ở mức cao, sản lượng xuất khẩu tăng làm tăng nhu cầu đầu tư phân bón của bà con nông dân;
- Thời tiết và khí hậu vẫn đang rất thuận lợi cho việc sản xuất nông nghiệp, diện tích canh tác lúa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Đông, miền Trung tăng lên làm gia tăng nhu cầu sử dụng phân bón;
- Sự quan tâm giúp đỡ của các ngành, các cấp, các nhà khoa học và tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức của tập thể người lao động đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty.

Khó khăn:

Năm 2023, tình hình kinh tế nói chung và ngành sản xuất kinh doanh phân bón nói riêng gặp nhiều khó khăn thách thức, như:

- Xung đột Nga - Ukraine kéo dài, thị trường xuất khẩu thu hẹp. Các nước sử dụng chính sách liên tục để kích thích nền kinh tế sau đại dịch Covid-19 dẫn đến thị trường quốc tế có nhiều biến động, giá nguyên vật liệu đầu vào bất ổn, chi phí vận tải vẫn ở mức cao, nền tài chính tiền tệ đang có dấu hiệu khủng hoảng, biến động tỷ giá hối đoái... gây khó khăn cho công tác quản trị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm;
- Trung Quốc mở cửa thị trường sau khoảng thời gian áp dụng chính sách "Zero Covid" làm cho thị trường phân bón trong nước bị xáo trộn, giá cả phân bón liên tục giảm, đại lý bán hàng không dám nhập hàng;
- Luật số 71/2014/QH13 tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực, tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng và gây bất lợi cho phân bón sản xuất trong nước so với phân bón nhập khẩu.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu		31/12/2022	31/12/2023
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.356.959.281.416	1.121.657.277.969
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.560.560.094	1.778.084.645
1.	Tiền	3.560.560.094	1.778.084.645
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	340.201.000.000	1.046.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.007.432.302.007	1.115.689.147.876
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	970.283.452.796	910.328.715.037
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	18.955.891.420	7.277.474.129
3.	Phải thu ngắn hạn khác	32.557.762.152	244.102.104.115
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-14.429.989.614	-46.098.448.231
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	65.185.253	79.302.826
IV.	Hàng tồn kho	5.137.609.230	3.740.672.972
1.	Hàng tồn kho	5.164.184.230	3.791.702.872
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-26.575.000	-51.029.900
V.	Tài sản ngắn hạn khác	627.810.085	448.326.476
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	146.079.176	128.492.025
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	481.730.909	319.834.451
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	312.311.835.135	457.548.066.529
I.	Các khoản phải thu dài hạn	221.400.000.000	357.025.000.000
1.	Phải thu dài hạn khác	221.400.000.000	357.025.000.000
II.	Tài sản cố định	14.807.730.468	13.837.320.862
1.	Tài sản cố định hữu hình	6.350.116.723	5.673.620.537
-	- Nguyên giá	13.737.423.187	13.195.636.395
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	-7.387.306.464	-7.522.015.858
2.	Tài sản cố định vô hình	8.457.613.745	8.163.700.325
-	- Nguyên giá	11.811.046.164	11.811.046.164
-	- Giá trị hao mòn lũy kế	-3.353.432.419	-3.647.345.839
III.	Bất động sản đầu tư	7.637.000.000	18.473.717.181
-	- Nguyên giá	7.637.000.000	18.473.717.181
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	68.000.000.000	68.000.000.000
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	68.000.000.000	68.000.000.000
V.	Tài sản dài hạn khác	467.104.667	212.028.486
1.	Chi phí trả trước dài hạn	467.104.667	212.028.486
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.669.271.116.551	1.579.205.344.498

Tình hình tài sản (tiếp theo)

Tính đến cuối năm 2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 1.121.657.277.969 đồng, giảm hơn 235 tỷ so với năm 2022.

Còn về tài sản dài hạn, cuối năm 2023, tài sản dài hạn của Công ty đạt 457.548.066.529 đồng, tăng 145 tỷ so với năm 2022, phần lớn tăng ở các khoản phải thu dài hạn.

Tình hình nợ phải trả

Bảng 11: Tình hình nợ phải trả của Công ty

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I.	Nợ ngắn hạn	664.304.618.219	762.417.399.943
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	7.888.216.499	144.745.031.370
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	172.029.652	1.397.304.652
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.930.030.315	27.382.464.254
4.	Phải trả người lao động	1.003.434.812	311.718.315
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	39.436.051.092	470.411.681
	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20.454.545	20.454.545
6.	Phải trả ngắn hạn khác	980.950.509	47.788.058.241
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	592.216.495.407	533.517.000.000
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.656.955.388	6.784.956.885
II.	Nợ dài hạn	937.500.000	1.177.500.000
1.	Phải trả dài hạn khác	297.500.000	297.500.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	640.000.000	880.000.000
	NỢ PHẢI TRẢ	665.242.118.219	763.594.899.943

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty)

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

Tính đến cuối năm 2023, nợ phải trả của Công ty là 665.242.118.219 đồng so với 2022, giảm hơn 98 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 12,8%.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Rà soát lại các Nội quy, Quy chế để sửa đổi, bổ sung phù hợp với tình hình hoạt động SXKD của Công ty tại mọi thời điểm, bố trí sử dụng lao động hiệu quả, rà soát và sắp xếp lại lực lượng lao động hiện có từ lao động quản lý đến lao động trực tiếp cho phù hợp với tình hình kinh doanh năm 2024. Xem xét xây dựng mô hình quản trị Công ty ổn định lâu dài về chiều rộng lẫn chiều sâu.
- Đề ra các chính sách bán hàng, chính sách quản lý hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm trong hoạt động kinh doanh, thường xuyên phân tích đánh giá để lãnh đạo Công ty kịp thời có những quyết sách đúng đắn.
- Đề ra các hoạt động kiểm soát rủi ro, đánh giá tình hình đầu tư và phân tích hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp.
- Bố trí điều động xe, thiết bị phù hợp tránh lãng phí, hạn chế thuê thiết bị ngoài. Kiểm soát chặt chẽ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, Bitagco tăng tốc hết sức có thể để năm 2024 đạt nhiều thành công đột phá hơn nữa. Duy trì hợp tác với các đầu mối nhập khẩu xăng dầu uy tín để chủ động nguồn hàng. Liên kết cũng ứng nguyên vật liệu và phân phối NPK với các đơn vị đang sản xuất trong nước, mở rộng thị trường và mạng lưới phân bón khu vực Phía Nam và Tây Nguyên.

Công ty vẫn định hướng kinh doanh phân bón, xăng dầu, và đầu tư bất động sản là ba lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Do đó, công ty sẽ tiếp tục kế hoạch tăng trưởng bền vững và nhất quán. Đánh giá năm 2023 là một năm có nhiều biến động lớn trong giá xăng dầu đến từ bất ổn chính trị thế giới, giá phân bón tụt giảm cùng với thị trường bất động sản mất tính ổn định do lãi suất ngân hàng tăng cao, ABS đã chuẩn bị kế hoạch kinh doanh chu đáo để hoạt động kinh doanh được thông suốt theo đúng kế hoạch.

Đặc biệt Bitagco chú trọng đào tạo chuyên sâu và quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV nhằm sắp xếp và nâng cao bộ máy quản lý. Bitagco cũng chủ động trong các công tác kinh tế - tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Bảng 12: Kế hoạch phát triển của Công ty

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2023
Vốn điều lệ	800.000.000.000	800.000.000.000	0,00%
Doanh thu thuần	1.025.222.515.712	1.148.000.000.000	11,2%
Lợi nhuận trước thuế	22.233.146.900	25.000.000.000	12,44%
Lợi nhuận sau thuế	8.287.009.671	20.000.000.000	141,34%
Tỷ suất LNST/DTT (%)	0.8%	2.9%	262,5%
Tỷ suất LNST/VCSH (%)	0.9%	//	n/a
Cổ tức (%)	-	-	n/a

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Trong báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty, kiểm toán có nhận mạnh về việc Công ty được ngân hàng gia hạn thanh toán gốc và lãi thêm 12 tháng so với thời hạn trong hợp đồng gốc ban đầu. Chúng tôi xin được giải trình cụ thể như sau:

Năm 2023 do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu nên nhiều ngành nghề bị suy giảm doanh thu trong đó có nông nghiệp gặp nhiều khó khăn nên một số vùng nông dân giảm diện tích cây trồng, giảm đầu tư dẫn đến nhu cầu phân bón giảm, ngành bất động sản đóng băng dẫn đến nhu cầu nhiên liệu của các đơn vị thi công xây dựng giảm,... và Công ty cũng như một số khách hàng lớn của Công ty cũng không là ngoại lệ. Để hỗ trợ các doanh nghiệp ổn định vượt qua giai đoạn khó khăn Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 quy định về việc tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Trên tinh thần của Thông tư 02/2023/TT-NHNN Ngân hàng đã đồng ý cho Công ty được gia hạn thanh toán gốc và lãi thêm 12 tháng so với hợp đồng gốc ban đầu để Doanh nghiệp sử dụng một phần số vốn dự định trả cho ngân hàng để phát triển kinh doanh để đảm bảo trả gốc và lãi cho ngân hàng khi đến hạn thanh toán.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

● Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Sử dụng hiệu quả tài nguyên nước và tiết kiệm năng lượng: Ban Giám đốc chỉ đạo sát sao đồng thời thông qua các hình thức tuyên truyền, đào tạo nâng cao ý thức tự giác của tất cả người lao động Công ty trong việc sử dụng nước và năng lượng một cách tiết kiệm, hiệu quả.

Các chất thải sinh hoạt và chất thải rắn, độc hại: đều được xử lý thông qua hợp đồng của Công ty với các đơn vị chuyên nghiệp có chức năng và giấy phép về xử lý chất thải theo qui định, đảm bảo không gây ô nhiễm hoặc ảnh hưởng không tốt tới môi trường xung quanh.

Các nhân viên được tham gia học và lấy chứng chỉ đầy đủ về nghiệp vụ bảo vệ môi trường.

● Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện các chính sách chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động. Quy trình đào tạo nhằm đảm bảo thực hiện việc đào tạo một cách khoa học, hệ thống và mang lại hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Công ty luôn gửi các cán bộ có thành tích xuất sắc và năng lực tốt đi tham gia vào các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ do Công ty tổ chức hoặc do các trường Đại học, Trung tâm dạy nghề mở để nâng cao tay nghề, nghiệp vụ và kiến thức chuyên môn.

● Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tích cực tham gia công tác trợ giúp, giúp đỡ các đồng bào ở hoàn cảnh khó khăn tùy thuộc vào bối cảnh xã hội. Ngoài việc kết hợp với các chính quyền, thực hiện tốt an ninh trật tự, tham gia hỗ trợ người nghèo ở các địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2023 tiếp tục là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Lạm phát tuy hạ nhiệt nhưng vẫn neo ở mức cao, nhiều nền kinh tế duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cao, thương mại, tiêu dùng và đầu tư tiếp tục suy giảm. Tình trạng kinh tế vĩ mô diễn biến xấu ảnh hưởng đến giá xăng dầu, cộng thêm việc thị trường bất động sản chững lại trong năm và thị trường cổ phiếu không thuận lợi đã khiến cho hoạt động KDSX của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Trước diễn biến đó, ban lãnh đạo của Công ty đã xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung vào các lĩnh vực chính là thế mạnh của Công ty nhằm duy trì hoạt động sản xuất của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm qua, HĐQT đánh giá Ban Giám đốc (BGĐ) đã luôn bám sát phương hướng, nhiệm vụ của ĐHĐCĐ và HĐQT đề ra, bám sát tình hình thực tiễn, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2023 là một năm hết sức khó khăn, BGĐ đã rất nỗ lực để nhằm thúc đẩy doanh thu năm 2023; Tuy nhiên với những tác động tiêu cực từ sau đại dịch cùng với các xung đột địa chính trị trên thế giới ngày càng diễn biến phức tạp,... BGĐ đã không đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023. Cụ thể: doanh thu thuần năm 2023 đạt 1,025 tỷ, đạt 78,86% kế hoạch năm 2023; LNST đạt 8,29 tỷ đạt 12,95% so với kế hoạch. Vì vậy trong năm 2024, BGĐ cần triển khai thực hiện nhiệm vụ kịp thời hơn; cần quản lý các chính sách bán hàng và công tác thu hồi công nợ, giải phóng hàng tồn kho một cách chặt chẽ cũng như quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn nữa.

❑ **Những việc đã làm được**

- Đã tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT.
- Luôn thể hiện trách nhiệm cao, thường xuyên bám sát công việc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đã chủ động triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chủ trương, định hướng phát triển được thông qua. Đồng thời chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, điều kiện cụ thể. Phát huy mọi tiềm lực sức mạnh của CNVC-LĐ để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

❑ **Những hạn chế cần khắc phục**

- Hoạt động kinh doanh giảm do ảnh hưởng từ vĩ mô xấu toàn cầu, bối cảnh chung nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề từ tác động tiêu cực sau đại dịch và chiến tranh, xung đột địa chính trị,.....
- Vẫn còn duy trì tình trạng thâm hụt vốn kéo dài trong nhiều năm.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với những thuận lợi và khó khăn mà công ty sẽ phải đối mặt trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã có những chỉ đạo nhằm cố gắng hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

- Chỉ đạo sát sao hơn nữa đối với hoạt động kinh doanh chủ chốt của Công ty về kinh doanh phân bón và xăng dầu. Nâng cao sự ổn định của đầu vào, đảm bảo chất lượng sản xuất và dịch vụ đáp ứng yêu cầu thị trường.
- Mở rộng lĩnh vực cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất phân bón trong và ngoài nước.
- Tiếp tục theo dõi sát sao khoản vốn góp đầu tư tài chính với CTCP Xuất nhập khẩu Vật tư nông nghiệp III, đồng thời thực hiện nghiên cứu và phát triển dự án trên các tài sản đất hiện có của Công ty.
- Duy trì bộ máy hoạt động ổn định đạt năng suất, hiệu quả cao. Cân đối giữa nguồn thu và chi để đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng thị trường.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1 Hội đồng quản trị

2 Ban Kiểm soát

3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

● Thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận có 05 (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Bảng 13: Danh sách Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Loại thành viên	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (cá nhân và được ủy quyền)	Số lượng chức danh nắm giữ TV HĐQT ở Công ty khác	Ghi chú
1	Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Sở hữu cá nhân: 10.000.000 cổ phần	05	Được bổ nhiệm ngày 9/11/2006
2	Đinh Quang Sáng	Phó chủ tịch HĐQT	Không điều hành	Sở hữu cá nhân: 117.500 cổ phần	0	Được bổ nhiệm ngày 04/06/2016
3	Mai Quốc Hưng	Thành viên HĐQT	Không điều hành	Sở hữu cá nhân: 111.250 cổ phần	0	Được bổ nhiệm ngày 10/11/2017
4	Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	0	Được bổ nhiệm ngày 24/04/2021
5	Vũ Thị Hải	Thành viên HĐQT	Độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần	0	Được bổ nhiệm ngày 10/05/2020

(Nguồn: Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận)

Thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

	<p>Ông Trần Văn Mười Chủ tịch HĐQT - Cử nhân kinh tế Giữ chức Chủ tịch HĐQT từ năm 2006 đến nay</p>
	<p>Ông Đinh Quang Sáng Phó CT HĐQT – Kỹ sư cao cấp Trở thành Phó CT HĐQT từ năm 2012 đến nay</p>
	<p>Bà Trần Thị Hiền Thành viên - cử nhân kế toán Trở thành Thành viên HĐQT từ tháng 4/2021 đến nay</p>
	<p>Ông Mai Quốc Hưng Thành viên – Cử nhân kinh tế Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 11/2017 đến nay</p>
	<p>Bà Vũ Thị Hải Thành viên - Cử nhân kinh tế Trở thành thành viên HĐQT từ tháng 05/2020 đến nay</p>

Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị**Bảng 14: Các cuộc họp HĐQT**

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Văn Mười	18	100%	
2	Đình Quang Sáng	18	100%	
3	Trần Thị Hiền	18	100%	
4	Mai Quốc Hưng	18	100%	
6	Vũ Thị Hải	18	100%	

Bảng 15: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2023

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	02/23/NQ/HĐQT-ABS	21/02/2023	Thông qua việc thay đổi đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	100%
2	04/23/NQ/HĐQT-ABS	09/03/2023	Thông qua việc gia hạn tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
3	06/23/NQ/HĐQT-ABS	15/03/2023	Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty VCD Riverbank	100%
4	08/22/NQ/HĐQT-ABS	30/03/2023	NQ HĐQT định kỳ về việc Báo cáo hoạt động kinh doanh quý 1, kế hoạch sản xuất quý 2, quản trị Công ty và vấn đề khác liên quan của Công ty.	100%
5	10/23/NQ/HĐQT-ABS	12/04/2023	Thông qua việc thay đổi đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	100%
6	12/23/NQ/HĐQT-ABS	12/04/2023	Xin gia hạn chi trả cổ tức lần 3.	100%
7	14/23/NQ/HĐQT-ABS	19/04/2023	Thông qua giao dịch mua bán với bên liên quan	100%

Bảng 15: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2023 (tiếp)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	14/23/NQ/HĐQT-ABS	19/04/2023	Thông qua giao dịch mua bán với bên liên quan	100%
8	16/23/NQ/HĐQT-ABS	26/04/2023	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN Bình Thuận.	100%
9	18/23/NQ/HĐQT-ABS	08/05/2023	Về việc: - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông năm 2023 - Thông qua nội dung họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
10	17/23/NQ/HĐQT-ABS	09/05/2023	Thông qua việc tìm kiếm cơ hội đầu tư từ nguồn vốn chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần VCD Riverbank.	100%
11	20/23/NQ/HĐQT-ABS	26/05/2023	Xin gia hạn chi trả cổ tức lần 4	100%
12	22/23/NQ/HĐQT-ABS	02/06/2023	Thông nhất các nội dung ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
13	26/23/NQ/HĐQT-ABS	21/06/2023	Thông qua việc bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
14	28/23/NQ/HĐQT-ABS	29/06/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và năm tài chính 2023	100%
15	30/23/NQ/HĐQT-ABS	28/08/2023	Xin gia hạn chi trả cổ tức lần 5	100%
16	32/23/NQ/HĐQT-ABS	29/09/2023	Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý III/2023 và phương án thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư, triển khai kế hoạch kinh doanh các tháng cuối năm 2023.	100%
17	34/23/NQ/HĐQT-ABS	12/10/2023	Thông qua giao dịch mua bán với các bên liên quan.	100%
18	36/23/NQ/HĐQT-ABS	20/10/2023	Thông qua việc vay vốn lưu động, bảo lãnh và thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay.	100%

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Không có

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên, cơ cấu Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Bảng 16: Danh sách Ban kiểm soát của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Ghi chú
1	Trương Thùy Linh	Trưởng Ban kiểm soát	70.625	
2	Nguyễn Thị Cuối	Thành viên Ban kiểm soát	0	
3	Mai Thị Thanh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	625	

(Nguồn: Báo cáo Quản trị 2023 của Công ty)

	<p>Bà Trương Thùy Linh Trưởng ban kiểm soát Bà giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát từ tháng 12/2018 Bà tốt nghiệp loại ưu trường Đại học tài chính kế toán, có 25 năm kinh nghiệm trong nghề tài chính kế toán</p>
	<p>Bà Nguyễn Thị Cuối Thành viên Ban kiểm soát Bà được bầu làm thành viên Ban kiểm soát từ tháng 04/2021 đến nay Bà Cuối tốt nghiệp Cử nhân kế toán - kiểm toán</p>
	<p>Bà Mai Thị Thanh Hải Thành viên Ban kiểm soát Bà được bầu làm thành viên Ban kiểm soát từ tháng 5/2020 đến nay Bà tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành kế toán.</p>

● Hoạt động của Ban Kiểm soát

- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban và các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành nhằm đảm bảo tính minh bạch và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động SXKD của Công ty. Ban điều hành đã tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và các quy định có liên quan, triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của các Đơn vị/Phòng/Ban tại công ty và các chi nhánh.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 đã được ĐHCĐ/HĐQT phê duyệt
- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản của Công ty, tuân thủ thực hiện quy chế tài chính, quy chế quản lý tiền hàng, công nợ theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản trong năm 2023 tại đơn vị.
- Xây dựng Kế hoạch công tác giám sát năm 2024.

Bảng 17: Cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Trương Thùy Linh	03	100%	100%	
2	Nguyễn Thị Cuối	03	100%	100%	
3	Mai Thị Thanh Hải	03	100%	100%	

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

● Lương thưởng, thù lao các khoản lợi ích

Tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị đều hưởng thù lao tại Công ty, định mức chi phí của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định, Không có thành viên HĐQT nào có những quyền lợi riêng về giao dịch kinh doanh của họ với Công ty.

Bảng 18: Lương thưởng, thù lao các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, Thưởng Thù lao (HĐQT, BKS, BGĐ)	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		416.000.000	
1	Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	260.000.000	
2	Đình Quang Sáng	Phó chủ tịch HĐQT	39.000.000	
3	Mai Quốc Hưng	Thành viên độc lập HĐQT	39.000.000	
4	Trần Thị Hiền	Thành viên HĐQT	39.000.000	
5	Vũ Thị Hải	Thành viên độc lập HĐQT	39.000.000	
II	Ban kiểm soát		254.476.833	
1	Trương Thùy Linh	Trưởng BKS	202.476.833	
2	Nguyễn Thị Cuối	Thành viên BKS	26.000.000	
3	Mai Thị Thanh Hải	Thành Viên BKS	26.000.000	
III	Ban Giám đốc		1.150.301.000	
1	Bà Trần Thị Hường	Giám đốc	637.080.000	
2	Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc	513.221.000	
IV	Các thành viên quản lý khác		535.698.725	
1	Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng	392.304.417	
2	Nguyễn Đạt Châu	Người phụ trách quản trị công ty	143.394.308	
	Tổng cộng		2.356.476.558	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

ST T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT	15.850.000	19,81%	10.000.000	12,5%	Phát sinh giao dịch bán cổ phiếu
2	Nguyễn Thị Cuối	Thành viên ban soát	14.600	0,02%	0	0,0%	Phát sinh giao dịch mua, bán cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức	Mối quan hệ	Số CMND/ĐKKD, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ ĐHĐCĐ/HĐQT biểu quyết thông qua (nếu có)	Số tiền (đồng)	Ghi chú (loại hình giao dịch)
1	Công ty Five Star International Fertilizer (Cambodia) Co.,Ltd	Bên có liên quan	100169171	01 National Road, Somrong Thom Commune, Kean Svay District, Kandal Province, Cambodia	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 08/22/NQ/HĐQT-ABS Ngày 02/06/2022	147.122.000	Nội dung: Chênh lệch tỷ giá USD
2	Công ty Five Star International Fertilizer (Cambodia) Co.,Ltd	Bên có liên quan	100169171	01 National Road, Somrong Thom Commune, Kean Svay District, Kandal Province, Cambodia	Năm 2023	Nghị quyết HĐQT số 08/22/NQ/HĐQT-ABS Ngày 02/06/2022	588.550.000	Nội dung: Thu tiền bán Lâm Thao năm 2022 Số lượng: 68 tấn
3	Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Cao Năm Sao	Bên có liên quan	1101999301	Khu Công Nghiệp Long Định, Xã Long Định, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An	Năm 2023	Nghị Quyết HĐQT số 14/23/NQ/HĐQT-ABS Ngày 19/04.2023	53.942.450.000	Nội dung: Bán phân bón MAP, DAP Số lượng: 3.050 tấn
4	Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Cao Năm Sao	Bên có liên quan	1101999301	Khu Công Nghiệp Long Định, Xã Long Định, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An	Năm 2023	Nghị Quyết HĐQT số 14/23/NQ/HĐQT-ABS Ngày 19/04.2023	30.453.000.000	Thu tiền bán phân bón

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Trong năm 2023, tất cả các bộ phận đều thực hiện tốt công tác quản trị Công ty theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, điều lệ và quy chế Quản trị của Công ty.

Bình Thuận, ngày 19 tháng 04 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TRẦN THỊ HƯỜNG



2023

BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Báo cáo tài chính

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán**



MỤC LỤC

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận sau đây gọi tắt là (“Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2023.

KHÁI QUÁT

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3400382278 ngày 11/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan. Xây dựng nhà các loại; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Điều hành tour du lịch; đại lý du lịch. Cho thuê xe có động cơ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Bán buôn nông sản nguyên liệu; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai. Tư vấn, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ. Sản xuất phân bón. Kinh doanh xuất nhập khẩu uy thác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Bán buôn đồ uống nước giải khát, bia, rượu. Nhận và chăm sóc cây giống lâu năm. Bán buôn lương thực, thực phẩm. Dịch vụ đồ uống. Dịch vụ lưu trú ngắn hạn.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 03 Nguyễn Du, Phường Đức Thắng, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch
Ông Đinh Quang Sáng	Phó chủ tịch
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên
Ông Mai Quốc Hưng	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế Toán trưởng

Bà Trần Thị Hương	Giám đốc
Ông Đỗ Việt Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Bà Trương Thủy Linh	Trưởng ban
Bà Mai Thị Thanh Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Cuối	Thành viên

213884
CÔNG TY
HIỆM HỮU
VỤ TƯ V
NH KẾ T
KIỂM TOÁN
M VIỆT
HỒ C

00
DN
IP
NÔ
IT
E

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Hương Giám đốc

Kiểm toán viên

Công Ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 43 và cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Thị Hương
Giám đốc

Bình Thuận, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

C.T. AN N AN VI MINH 2278 TY AN NGHĨ UẬN



Số: 183/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận, được lập ngày 28/03/2024, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số V.18 và thuyết minh số VII.10 của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được lập với giả định rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Vào ngày 31/12/2023 công ty đã trình bày các khoản gốc vay và khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán (theo hợp đồng gốc) với giá trị lần lượt là: 536.249.075.407 VND (gốc vay) và 39.280.858.280 VND (lãi vay), tuy nhiên những khoản gốc và lãi vay này đã được ngân hàng gia hạn thời hạn thanh toán thêm 12 tháng so với thời hạn trong hợp đồng gốc ban đầu. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Phó Tổng Giám Đốc



Kiểm toán viên

Cao Thị Hồng Nga

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2023-152-1

Bùi Thị Như Lê

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2855-2020-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.121.657.277.969	1.356.959.281.416
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.778.084.645	3.560.560.094
1. Tiền	111		1.778.084.645	3.560.560.094
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.046.000	340.201.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	340.200.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.046.000	1.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.115.689.147.876	1.007.432.302.007
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	910.328.715.037	970.283.452.796
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.277.474.129	18.955.891.420
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	244.102.104.115	32.557.762.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(46.098.448.231)	(14.429.989.614)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.302.826	65.185.253
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	3.740.672.972	5.137.609.230
1. Hàng tồn kho	141		3.791.702.872	5.164.184.230
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(51.029.900)	(26.575.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		448.326.476	627.810.085
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	128.492.025	146.079.176
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		319.834.451	481.730.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		457.548.066.529	312.311.835.135
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		357.025.000.000	221.400.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	357.025.000.000	221.400.000.000
II. Tài sản cố định	220		13.837.320.862	14.807.730.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.673.620.537	6.350.116.723
- Nguyên giá	222		13.195.636.395	13.737.423.187
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.522.015.858)	(7.387.306.464)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	8.163.700.325	8.457.613.745
- Nguyên giá	228		11.811.046.164	11.811.046.164
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.647.345.839)	(3.353.432.419)
III. Bất động sản đầu tư	230		18.473.717.181	7.637.000.000
- Nguyên giá	231	V.11	18.473.717.181	7.637.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	68.000.000.000	68.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		68.000.000.000	68.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		212.028.486	467.104.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	212.028.486	467.104.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.579.205.344.498	1.669.271.116.551

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		665.242.118.219	763.594.899.943
I. Nợ ngắn hạn	310		664.304.618.219	762.417.399.943
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.888.216.499	144.745.031.370
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	172.029.652	1.397.304.652
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	16.930.030.315	27.382.464.254
4. Phải trả người lao động	314		1.003.434.812	311.718.315
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	39.436.051.092	470.411.681
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	20.454.545	20.454.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	980.950.509	47.788.058.241
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	592.216.495.407	533.517.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.656.955.388	6.784.956.885
II. Nợ dài hạn	330		937.500.000	1.177.500.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		297.500.000	297.500.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	640.000.000	880.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		913.963.226.279	905.676.216.608
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	913.963.226.279	905.676.216.608
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		800.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		800.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		42.560.127.000	42.560.127.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.516.176	59.516.176
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71.343.583.103	63.056.573.432
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.056.573.432	40.516.882.188
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.287.009.671	22.539.691.244
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.579.205.344.498	1.669.271.116.551

Người lập biểu

Trần Thị Ánh Nga

Bình Thuận, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thủy

Giám Đốc



Trần Thị Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.025.222.515.712	1.605.396.430.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	60.000.000
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.025.222.515.712	1.605.336.430.616
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	986.524.541.756	1.517.584.819.667
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38.697.973.956	87.751.610.949
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	104.657.853.165	12.275.233.468
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	76.016.484.354	44.263.638.100
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		76.016.457.355	44.261.733.419
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	5.852.109.940	6.051.108.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	38.766.279.452	14.031.541.636
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.720.953.375	35.680.556.614
11. Thu nhập khác	31	VI.9	324.405.788	657.510.422
12. Chi phí khác	32	VI.10	812.212.263	2.466.763.956
13. Lợi nhuận khác	40		(487.806.475)	(1.809.253.534)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.233.146.900	33.871.303.080
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	13.946.137.229	11.331.611.836
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.287.009.671	22.539.691.244
18. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	98	268
19. Lãi (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71		98	268

Người lập biểu

Trần Thị Ánh Nga

Bình Thuận, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Văn Thủy

Giám Đốc



Trần Thị Hương

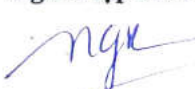
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.233.146.900	33.871.303.080
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	970.409.606	808.566.264
- Các khoản dự phòng	03	31.692.913.517	6.277.438.070
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(143.944.568)	(85.321.322)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(104.787.853.165)	(12.483.566.801)
- Chi phí đi vay	06	76.016.457.355	44.261.733.419
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	25.981.129.645	72.650.152.710
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(275.388.408.028)	(84.069.612.698)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.372.481.358	15.075.069.711
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(143.620.086.924)	(17.770.091.707)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	272.663.332	540.913.376
- Tiền lãi vay đã trả	13	(37.020.358.577)	(44.094.814.256)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.047.773.467)	(2.703.230.154)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.128.001.497)	(330.948.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(454.578.354.158)	(60.702.561.918)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(10.836.717.181)	(2.606.433.333)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	130.000.000	208.333.333
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(46.000)	(1.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	340.200.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	104.657.853.165	348.389.488
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	434.151.089.984	(2.050.710.512)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	527.219.190.000	1.129.729.510.167
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(468.759.694.593)	(1.066.644.093.167)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.958.651.250)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.500.844.157	63.085.417.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.926.420.017)	332.144.570
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	3.560.560.094	3.143.094.202
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	143.944.568	85.321.322
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	1.778.084.645	3.560.560.094

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Nga

Bình Thuận, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Văn Thủy

Giám Đốc



Trần Thị Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3400382278 ngày 11/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 10/05/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 03 Nguyễn Du, Phường Đức Thắng, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 45 người (số đầu năm là 53 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp. Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan. Xây dựng nhà các loại; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng. Vận tải hàng hoá đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hoá. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Điều hành tour du lịch; đại lý du lịch. Cho thuê xe có động cơ. Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Bán buôn nông sản nguyên liệu; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống. Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai. Tư vấn, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp; Khai thác gỗ. Sản xuất phân bón. Kinh doanh xuất nhập khẩu uy thác. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Bán buôn đồ uống nước giải khát, bia, rượu. Nhận và chăm sóc cây giống lâu năm. Bán buôn lương thực, thực phẩm. Dịch vụ đồ uống. Dịch vụ lưu trú ngắn hạn.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi Nhánh Kinh Doanh Vật Tư Nông Nghiệp I	Khu Phố Phú Trường, Thị Trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
2	Chi Nhánh Kinh Doanh Vật Tư Nông Nghiệp II	Thôn Phú Sum, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận
3	Chi Nhánh Kinh Doanh Vật Tư Nông Nghiệp III	Thôn 1, Thị Trấn Võ Xu, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4	Chi Nhánh Kinh Doanh Vật Tư Nông Nghiệp IV	Số 92 Thôn Bình Thủy, Xã Phan Rí Thành, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
5	Chi Nhánh Tại Tỉnh Ninh Thuận	Số 388/1, Đường 21/8, Phường Phước Mỹ, TP Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
6	Chi Nhánh Tại Tỉnh Phú Yên	Thôn Phước Lộc, Xã Hoà Thành, Huyện Đông Hoà, Tỉnh Phú Yên
7	Chi Nhánh Tại Tỉnh Bình Định	Số 85, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
8	Chi Nhánh Tại Tỉnh Long An	Cụm Công Nghiệp Long Định, Ấp 4, Xã Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An
9	Cửa Hàng Xăng Dầu Số 9	Số 301, Đường 19/4, Khu Phố 2, Phường Xuân An, Thành Phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
10	Cửa Hàng Xăng Dầu Ngã Ba Gộp	Thôn 3, Xã Hồng Sơn, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
11	Cửa Hàng Xăng Dầu Thuận Hoà	Quốc Lộ 28, Thôn Dân Trí, Xã Thuận Hòa, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận
12	Cửa Hàng Xăng Dầu Km 29	Khu Phố Lập Hoà, Thị Trấn Thuận Nam, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận
13	Cửa Hàng Xăng Dầu Thắng Hải	Thôn Thắng Hải, Xã Thắng Hải, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính.

II. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

3308
 C
 RÁCH
 DỊCH
 ÁI C
 VÀ
 V
 100
 ĐN
 F
 N
 T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc trích lập dự phòng sẽ được căn cứ vào giá thị trường của chứng khoán đó.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc trích lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp của các bên tại đơn vị được đầu tư.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng/hợp nhất) trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sử dụng giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
HẠN N OÁN N
HỊ M
/ 8 /
3 H
N
M

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-25	10-25
- Máy móc, thiết bị	08-10	08-10
- Phương tiện vận tải	10-20	10-20
- Quyền sử dụng đất	05-50	05-50

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao

9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu: Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được kế toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

Nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau: Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

Doanh thu được xác định một cách đáng tin cậy;

Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm

21. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

278 - C
TY
IN
NGHIEP
AN
ANH TH

1-C
TUAN
AN
TOAN
AN
CHINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	183.945.603	70.975.914
Cộng	1.594.139.042	3.489.584.180
	1.778.084.645	3.560.560.094

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023	Đơn vị tính: VND
a1) Đầu tư cổ phiếu ngắn hạn	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công Ty Cổ Phần VCD Riverbank (*)	-	32.400.000	340.200.000.000
Cộng	-	32.400.000	340.200.000.000

(*) Là khoản đầu tư nhằm mục đích kinh doanh được thông qua tại nghị quyết Đại hội cổ đông số 11/21/NQ/HĐĐCĐ ngày 24/04/2021. Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ trên theo hợp đồng chuyển nhượng số 01/2023/HĐCNCP-VCD ngày 20/03/2023 và hợp đồng số 02/2023/HĐCNCP-VCD ngày 25/03/2023.

a2) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023	01/01/2023
- Tiền gửi có kỳ hạn	Giá gốc	Giá gốc
Cộng	1.046.000	1.000.000
	1.046.000	1.000.000

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023	Đơn vị tính: VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Giá gốc	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu
Công Ty Cổ Phần XNK Vật Tư Nông Nghiệp III	68.000.000.000	-	11,95%
Cộng	68.000.000.000	68.000.000.000	11,95%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	910.328.715.037	970.283.452.796
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng BIRA	137.991.446.360	135.437.146.360
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Mekong Plaza	307.774.241.482	651.340.689.250
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Smart Eco City	228.978.158.301	166.107.984.052
Công Ty TNHH XNK Thực Phẩm Tân Đại Phát	3.805.474.500	3.805.474.500
Công Ty Cổ phần TM Tổng Hợp Toan Vân	-	2.282.500.000
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Năm Sao	23.489.450.000	-
Five Star International Fertilizer (Cambodia)	4.953.640.600	5.395.068.600
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tổng Hợp Đào Ngọc	197.451.000.000	-
Các khách hàng khác	5.885.303.794	5.914.590.034
b) Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
Cộng	910.328.715.037	970.283.452.796
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>		
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Five Star International Fertilizer (Cambodia)	4.953.640.600	5.395.068.600
Trần Thị Hoa	1.700.000.000	1.700.000.000
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Năm Sao	23.489.450.000	-

4. Trả Trước cho người bán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Trả trước người bán ngắn hạn	7.277.474.129	18.955.891.420
Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	-	7.126.469.791
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	851.911.500	5.264.601.400
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp III	2.845.160.000	2.845.160.000
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Yên Mỹ	3.172.750.000	3.172.750.000
Các nhà cung cấp khác	407.652.629	546.910.229
b) Trả trước người bán dài hạn	-	-
Cộng	7.277.474.129	18.955.891.420
<i>Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan</i>		
	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	-	7.126.469.791
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	851.911.500	5.264.601.400
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp III	2.845.160.000	2.845.160.000
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Năm Sao	-	40.945.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	244.102.104.115	32.557.762.152
Tạm ứng	3.624.136.709	1.531.182.000
Phải thu khác	2.575.069.688	2.585.904.233
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng BIRA	10.463.049	1.731.463.049
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Mekong Plaza	-	7.419.486.532
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Smart Eco City	-	2.775.894.399
Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	8.171.294.246	16.197.824.455
Phải thu ký quỹ ký cược	282.065.018	316.007.484
Khoản phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư cùng Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (theo hợp đồng số 01/2016/HĐHTĐT và các phụ lục) (*)	229.439.075.405	-
b) Phải thu khác dài hạn	357.025.000.000	221.400.000.000
Khoản tiền Góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (theo hợp đồng số 01/2016/HĐHTĐT và các phụ lục)	-	221.400.000.000
Khoản tiền Góp vốn hợp tác đầu tư cùng Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (theo hợp đồng số 01/2016/HĐHTĐT và các phụ lục) (**)	357.025.000.000	-
Cộng	601.127.104.115	253.957.762.152

Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	8.171.294.246	16.197.824.455
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	586.464.075.405	221.400.000.000

(*) Là khoản vốn góp và lãi phát sinh phải thu từ thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản cùng với Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan). Theo hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản số: 01/2016/HĐHTĐT ngày 01/03/2016 (và các phụ lục). Tổng giá trị của khoản hợp tác đầu tư của hợp đồng 01/2016/HĐHTĐT và các phụ lục đính kèm là: 221.400.000.000 VND. Hiện tại hợp đồng hợp tác đầu tư này đã được thanh lý theo biên bản thanh lý ngày 14/10/2023. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2023 khoản vốn góp hợp tác đầu tư và lãi phát từ việc thanh lý vẫn chưa được thu hồi. Thời hạn thu hồi chậm nhất được các bên thoả thuận trong biên bản thanh lý là ngày 14/07/2024. (Xem chi tiết tại VII.2)

(**) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư khu nhà cao tầng tại Five Srat Eco Cty, tại xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An cùng với Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan). Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 01/HĐHTĐT -NS-ABS ngày 16/10/2023. Các bên sẽ cùng nhau hợp tác để đầu tư vào việc xây dựng và kinh doanh Khu Đô Thị Năm Sao Phước Lý tại Xã Phước Lý Huyện Cần Giuộc tỉnh Long An. Cụ thể là đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ ký hiệu OT-02 với diện tích 8.386 m². Giá trị hợp tác đầu tư của Công ty là: 451.837.080.000 VND. Đến ngày 31/12/2023 Công ty đã góp vốn vào dự án nêu trên với số tiền: 357.025.000000 (Xem chi tiết tại VII.2).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Nợ xấu và Dự phòng phải thu khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Số đã lập dự phòng	Giá gốc	Số đã lập dự phòng
a) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	99.920.198.114	(46.098.448.231)	22.276.385.653	(14.429.989.614)
a1) Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng	79.789.966.529	(29.847.573.939)	7.731.722.696	(5.740.080.346)
Công Ty CP XNK TP Tân Đại Phát	3.805.474.500	(3.805.474.500)	3.805.474.500	(2.663.832.150)
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng BIRA	27.170.246.360	(8.151.073.908)	-	-
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Mekong Plaza	30.304.341.482	(9.091.302.445)	-	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Đô Thị Smart Eco City	9.600.515.301	(2.880.154.590)	-	-
Five Star International Fertilizer	4.953.640.600	(2.476.820.300)	-	-
Các khách hàng khác	3.955.748.286	(3.442.748.196)	3.926.248.196	(3.076.248.196)
a2) Dự phòng khoản trả trước người bán ngắn hạn	6.534.355.983	(5.111.775.983)	6.453.357.623	(3.608.197.623)
Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Và Dịch Vụ Yên Mỹ	3.172.750.000	(3.172.750.000)	3.172.750.000	(3.172.750.000)
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp III	2.845.160.000	(1.422.580.000)	2.845.160.000	-
Các nhà cung cấp khác	516.445.983	(516.445.983)	435.447.623	(435.447.623)
a3) Dự phòng khoản trả phải thu ngắn hạn khác	13.595.875.602	(11.139.098.309)	8.091.305.334	(5.081.711.645)
Bành Thế Hưng	1.301.113.718	(1.301.113.718)	1.301.113.718	(1.301.113.718)
Nguyễn Thị Kim Hậu	3.334.500.000	(3.334.500.000)	-	-
Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	8.171.294.246	(5.719.905.973)	6.019.187.378	(3.009.593.689)
Các khoản phải thu khác	788.967.638	(783.578.618)	771.004.238	(771.004.238)
b) Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-	-
Cộng	99.920.198.114	(46.098.448.231)	22.276.385.653	(14.429.989.614)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	1.841.953.750	-	250.743.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	15.171.469	-	21.597.319	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	676.463.840	-
Hàng hoá	1.879.982.653	(51.029.900)	4.178.380.071	(26.575.000)
Hàng gửi bán	54.595.000	-	37.000.000	-
Cộng	3.791.702.872	(51.029.900)	5.164.184.230	(26.575.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	<i>128.492.025</i>	<i>146.079.176</i>
Chi phí trả trước chờ kết chuyển	40.219.541	71.094.187
Chi phí bảo hiểm	52.483.114	64.327.140
Giá trị còn lại Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	35.789.370	10.657.849
<i>b) Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>212.028.486</i>	<i>467.104.667</i>
Chi phí trả trước dài hạn khác	212.028.486	467.104.667
Cộng	340.520.511	613.183.843

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	7.838.300.394	1.051.730.256	4.847.392.537	13.737.423.187
Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	541.786.792	541.786.792
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	541.786.792	541.786.792
Số dư cuối năm	7.838.300.394	1.051.730.256	4.305.605.745	13.195.636.395
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	4.473.545.960	830.216.123	2.083.544.381	7.387.306.464
Số tăng trong năm	296.558.948	65.753.754	314.183.484	676.496.186
Khấu hao trong năm	296.558.948	65.753.754	314.183.484	676.496.186
Số giảm trong năm	-	-	541.786.792	541.786.792
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	541.786.792	541.786.792
Số dư cuối năm	4.770.104.908	895.969.877	1.855.941.073	7.522.015.858
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu năm	3.364.754.434	221.514.133	2.763.848.156	6.350.116.723
Tại ngày cuối năm	3.068.195.486	155.760.379	2.449.664.672	5.673.620.537

- Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 4.547.760.043 VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 5.673.620.537 VND

4-C
Y
CỦ HẠN
VẤN
TOÁN
VẤN
:T
CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phân mềm máy tính	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	11.691.046.164	120.000.000	11.811.046.164
Số tăng trong năm	-	-	-
- Mua sắm mới	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	11.691.046.164	120.000.000	11.811.046.164
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	3.233.432.419	120.000.000	3.353.432.419
Khấu hao trong năm	293.913.420	-	293.913.420
Tại ngày cuối năm	3.527.345.839	120.000.000	3.647.345.839
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	8.457.613.745	-	8.457.613.745
Tại ngày cuối năm	8.163.700.325	-	8.163.700.325

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 198.249.700 VND

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 8.163.700.325 VND

11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư (*)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	2.328.974.158	5.308.025.842	7.637.000.000
Số tăng trong năm	4.172.683.954	6.664.033.227	10.836.717.181
Số giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	6.501.658.112	11.972.059.069	18.473.717.181
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-	-
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	2.328.974.158	5.308.025.842	7.637.000.000
Tại ngày cuối kỳ (*)	6.501.658.112	11.972.059.069	18.473.717.181

(*) Ghi chú: Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 05 – “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cần được trình bày. Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 để trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính do không có giao dịch thị trường nào gần đây cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	7.888.216.499	7.888.216.499	144.745.031.370	144.745.031.370
Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Cao Agritech	4.888.475.000	4.888.475.000	45.809.903.000	45.809.903.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư MCD	-	-	62.650.800.000	62.650.800.000
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp Tỉnh Nam Định	-	-	33.961.850.000	33.961.850.000
Công Ty Cổ Phần Supe Phốt Phát và Hoá Chất Lâm Thao	2.446.341.499	2.446.341.499	1.407.026.006	1.407.026.006
Các nhà cung cấp khác	553.400.000	553.400.000	915.452.364	915.452.364
b) Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	7.888.216.499	7.888.216.499	144.745.031.370	144.745.031.370

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Cao Năm Sao	188.700.000	-
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	-	100.000.000

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	172.029.652	1.397.304.652
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư CMD	-	1.380.000.000
Hộ Kinh Doanh Ngọc Ánh 2	139.500.000	-
Các khách hàng khác	32.529.652	17.304.652
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	172.029.652	1.397.304.652

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023	
	Thuế phải thu	Thuế phải nộp			Thuế phải thu	Thuế phải nộp
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	747.122.457	146.099.177	808.178.199	-	85.043.435
Thuế TNCN	-	86.033.531	2.135.871.777	189.272.914	-	2.032.632.394
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	25.200.298.113	13.946.137.229	25.047.773.467	-	14.098.661.875
Thuế đất	-	-	34.390.885	34.390.885	-	-
Thuế khác	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.349.010.153	666.777.167	1.302.094.709	-	713.692.611
Cộng	-	27.382.464.254	16.944.276.235	27.396.710.174	-	16.930.030.315

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí lãi vay

Chi phí phải trả khác

b) Chi phí phải trả dài hạn

Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	39.436.051.092	470.411.681
Chi phí phải trả khác	39.280.858.280	284.759.502
Chi phí phải trả dài hạn	155.192.812	185.652.179
Cộng	39.436.051.092	470.411.681

16. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cho thuê mặt bằng

Cộng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện phát sinh từ cho thuê mặt bằng	20.454.545	20.454.545
Cộng	20.454.545	20.454.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Phải trả khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	980.950.509	47.788.058.241
Tài sản thừa chờ giải quyết	146.048.279	92.887.034
Kinh phí công đoàn phải nộp	22.769.480	27.573.648
Phải nộp BHXH, BHYT, BHTN	209.024.676	216.102.435
Phải trả về cổ phần hoá	14.526.000	14.526.000
Cổ tức phải trả	117.004.375	40.075.655.625
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	-	6.889.735.800
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp III	258.000.000	258.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	213.577.699	213.577.699
b) Phải trả dài hạn khác	297.500.000	297.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược	297.500.000	297.500.000
Cộng	1.278.450.509	48.085.558.241

Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	-	6.889.735.800
Công Ty Cổ Phần Vật Tư Nông Nghiệp III	258.000.000	258.000.000

52134

ÔNG
NHIỆM
9 VỤ T
IÍNH R
KIỂM T
AM VI

P. HỒ

40038227

ÔNG T
Ổ PHẦN
VỤ NÔNG NG
NH THUẬN

VIỆT - T. B. V.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
Số 3 Nguyễn Du – TP. Phan Thiết – Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Phát sinh trong năm		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	592.216.495.407	592.216.495.407	527.459.190.000	468.759.694.593	533.517.000.000	533.517.000.000	
a1) <i>Vay ngắn hạn</i>							
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bình Thuận	40.756.570.000	40.756.570.000	198.158.840.000	195.390.400.000	37.988.130.000	37.988.130.000	
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Bình Thuận	14.970.850.000	14.970.850.000	34.441.350.000	34.617.370.000	15.146.870.000	15.146.870.000	
Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông	536.249.075.407	536.249.075.407	294.619.000.000	238.511.924.593	480.142.000.000	480.142.000.000	
a2) <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	240.000.000	
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	640.000.000	640.000.000	-	240.000.000	880.000.000	880.000.000	
Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	640.000.000	640.000.000	-	240.000.000	880.000.000	-	
Cộng tổng	592.856.495.407	592.856.495.407	527.459.190.000	468.999.694.593	534.397.000.000	534.397.000.000	

34-C.0
Y
CỦ HẠN
VĂN
TOÁN
28
CHÍNH

LIỆP
C.T.C.0
H THUAN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay ngắn hạn, vay dài hạn chi tiết như sau:

	Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/ (năm)	Thời hạn vay (Tháng)	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
a1) Vay ngắn hạn					591.976.495.407	
	1991/2023/3127435/HĐTD ngày 20/11/2023	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Bình Thuận	6,8% - 7,8%	2 - 4 Tháng	40.756.570.000	Thế chấp tài sản
	202025101967 ngày 11/5/2023	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Thuận	8,5% - 10%	3 - 6 Tháng	14.970.850.000	Thế chấp tài sản
	535/2021/HDHM-PN/SHB.112000 ngày 29/11/2022 (*)	Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông	12,14%-13,54%	6 Tháng (Đ/c tăng thêm 12 tháng)	536.249.075.407	Thế chấp tài sản (*)
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	0721/KHBL/2022/TDH ngày 12/9/2022	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	11,5%	12 Tháng	240.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
b) Vay dài hạn	0721/KHBL/2022/TDH ngày 12/9/2022	Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Thuận	11,5%	60 Tháng	640.000.000	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Cộng tổng các khoản vay ngắn và dài hạn					592.856.495.407	

Trong đó: Thời hạn vay, Tài sản thế chấp cầm cố các khoản vay từ bên thứ ba, bên liên quan như sau

- (*) Công ty đã thế chấp tài sản của công ty và thế chấp hai (02) quyền sử dụng đất của bên thứ ba là công ty Cổ Phần VCD Riverbank theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 361/2020/HĐTC-PN/SHB.112000 ngày 23 tháng 11 năm 2020 với chi tiết như sau:
- Thế chấp quyền sử dụng đất: Thửa đất số 46 tờ bản đồ số 4 Tại Xã Long Cang, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An. Diện tích: 101.476 M2
 - Thế chấp quyền sử dụng đất: Thửa đất số 1402 tờ bản đồ số 4 Tại Xã Long Định, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An. Diện tích: 28.477 M2
 - Thế chấp quyền sử dụng đất thuộc tài sản của công ty

(*) Ngoài ra, Hợp đồng vay vốn số : 535/2022/HDHM-PN/SHB.112000 ngày 29/11/2022 với Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông (SHB) đã hết hạn vào ngày 30/06/2023. Các kế ước đến thời điểm lập báo cáo này đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng vay vốn số 535/2022/HDHM-PN/SHB.112000. (29/11/2022).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Trong đó: Thời hạn vay, Tài sản thế chấp cầm cố các khoản vay từ bên thứ ba, bên liên quan như sau (tiếp theo)

Tự nhiên tại Ngày 31/05/2023 và 30/06/2023 Ngân Hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hà Đông (SHB) và Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Nông Nghiệp Bình Thuận đã ký kết phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số PL04-535/2022/HDHM-PN/SHB.112000 và phụ lục số PL05-535/2022/HDHM-PN/SHB.112000.

PL04-535/2022/HDHM-PN/SHB.112000 (ngày 31/05/2023) như sau: Thời hạn vay được các bên thống nhất gia hạn tối đa thành 18 tháng (tăng thêm 12 tháng so với hợp đồng gốc ban đầu) kể từ ngày giải ngân hoặc thu nợ ngay khi dòng tiền từ phương án vay vốn của Bên vay chuyển về tài khoản của Bên Vay tại ngân hàng (tùy theo ngày nào đến sớm hơn). Theo đó, số tiền vay với giá trị : 465.282.075.407 VND sẽ bắt đầu thanh toán kỳ gốc đầu tiên vào ngày 30/05/2024 và thời hạn thanh toán kỳ gốc cuối cùng là ngày 19/10/2024 tùy vào từng kế ước nhận nợ. Đồng thời gia hạn toàn bộ nghĩa vụ lãi phát sinh phải trả của các kỳ trước và lãi phát sinh vào ngày 30 hàng tháng bắt đầu từ tháng 01/2024.

PL05-535/2022/HDHM-PN/SHB.112000 (ngày 30/06/2023) như sau: Thời hạn vay được các bên thống nhất gia hạn tối đa thành 18 tháng (tăng thêm 12 tháng so với hợp đồng gốc ban đầu) kể từ ngày giải ngân hoặc thu nợ ngay khi dòng tiền từ phương án vay vốn của Bên vay chuyển về tài khoản của Bên Vay tại ngân hàng (tùy theo ngày nào đến sớm hơn). Theo đó, số tiền vay với giá trị : 70.967.000.000 VND có thời hạn thanh toán kỳ gốc cuối cùng là ngày 30/11/2024 . Đồng thời gia hạn toàn bộ nghĩa vụ lãi phát sinh phải trả của các kỳ trước và lãi phát sinh vào ngày 30 hàng tháng bắt đầu từ tháng 01/2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
					Cộng
Số dư đầu năm trước	800.000.000.000	42.560.127.000	59.516.176	83.784.479.469	926.404.122.645
- Lãi trong năm trước				22.539.691.244	22.539.691.244
- Phân phối lợi nhuận năm 2021				(43.267.597.281)	(43.267.597.281)
+ Chia cổ tức bằng tiền				(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng				(3.267.597.281)	(3.267.597.281)
Số dư đầu năm nay	800.000.000.000	42.560.127.000	59.516.176	63.056.573.432	905.676.216.608
- Lãi (lỗ) trong năm nay				8.287.009.671	8.287.009.671
Số dư cuối kỳ	800.000.000.000	42.560.127.000	59.516.176	71.343.583.103	913.963.226.279

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	01/01/2023			
	31/12/2023	01/01/2023		
	Số cổ phần	tỷ lệ (%)	Số cổ phần	tỷ lệ (%)
Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Mekong Plaza	122.200	0,15%	122.200	0,15%
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Tổng Hợp Đảo Ngọc	111.137	0,14%	111.137	0,14%
Ông Trần Văn Mười	10.000.000	12,50%	15.850.000	19,81%
Các cổ đông khác	69.766.663	87,22%	63.916.663	79,90%
Cộng	80.000.000	100%	80.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	800.000.000.000	800.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	800.000.000.000	800.000.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-
- Chia cổ tức bằng tiền	-	(40.000.000.000)

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.000.000	80.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	80.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Giá trị tài sản thuê ngoài	-	-
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
b) Tài sản nhận giữ hộ	-	-
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	-
c) Ngoại tệ các loại		
USD	5.270,90	336,90
d) Vàng tiền tệ	-	-
e) Nợ khó đòi đã xử lý	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán phân bón, sản phẩm nông nghiệp	879.095.750.500	1.382.337.626.100
Doanh thu bán xăng dầu nhớt	146.126.765.212	223.058.804.516
Cộng	1.025.222.515.712	1.605.396.430.616

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	60.000.000,00
Cộng	-	60.000.000

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần bán phân bón, sản phẩm nông nghiệp	879.095.750.500	1.382.277.626.100
Doanh thu thuần bán xăng dầu nhớt	146.126.765.212	223.058.804.516
Cộng	1.025.222.515.712	1.605.336.430.616

Trong đó: doanh thu thuần bán hàng các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Five Star International Fertilizer (Cambodia)</i>	-	18.990.496.100
<i>Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Cao Năm Sao</i>	53.942.450.000	-
<i>Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao</i>	-	10.175.000.000
<i>Công Ty Cổ Phần XNK Vật Tư Nông Nghiệp III</i>	-	130.000.000

4. Giá vốn hàng bán	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán phân bón, sản phẩm nông nghiệp	846.095.907.389	1.299.859.665.583
Giá vốn bán xăng dầu nhớt	140.404.179.467	217.725.154.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	24.454.900	-
Cộng	986.524.541.756	1.517.584.819.667

5. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	96.452.000.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.589.398	4.657.989
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	8.039.075.405	-
Lãi thu từ khoản thanh toán quá hạn của khách hàng	-	11.926.843.980
Lãi chênh lệch tỷ giá	153.933.695	217.958.166
Doanh thu tài chính khác	9.254.667	125.773.333
Cộng	104.657.853.165	12.275.233.468

Trong đó: doanh thu hoạt động tài chính các bên liên quan

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao</i>	8.039.075.405	-

84-C
TY
CỨU HẠI
VẤN
Ế TOÁ
OÁN
ỆT
CHÍ
82278
3 TY
HÀN
NGH
TUẬN
T. B. H. K.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	76.016.457.355	44.261.733.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá	26.999	1.904.681
Cộng	76.016.484.354	44.263.638.100
7. Chi phí bán hàng	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.511.052.490	3.604.641.422
Chi phí vật liệu, bao bì	94.573.093	117.944.170
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	104.150.696	95.069.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	847.578.110	657.030.284
Chi phí dịch vụ mua ngoài	228.790.492	299.617.151
Chi phí bằng tiền khác	1.065.965.059	1.276.805.361
Cộng	5.852.109.940	6.051.108.067
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	3.895.206.806	3.971.274.026
Chi phí vật liệu quản lý	214.209.578	341.098.792
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	157.884.515	269.076.310
Chi phí khấu hao TSCĐ	122.831.496	151.533.112
Thuế, phí và lệ phí	49.390.885	47.756.543
Chi phí dự phòng (hoàn nhập dự phòng)	31.668.458.617	3.859.593.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.474.863	615.445.892
Chi phí bằng tiền khác	2.262.822.692	4.775.763.272
Cộng	38.766.279.452	14.031.541.636
9. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu thanh lý tài sản cố định	130.000.000	208.333.333
Thu khác	194.405.788	449.177.089
Cộng	324.405.788	657.510.422
10. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính	806.962.333	2.360.950.187
Chi phí khác	5.249.930	105.813.769
Cộng	812.212.263	2.466.763.956

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.233.146.900	33.871.303.080
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	47.297.721.587	22.786.756.098
+ Các khoản điều chỉnh tăng	47.441.666.155	22.872.077.420
. Chi phí không hợp lệ	47.441.666.155	22.872.077.420
+ Các khoản điều chỉnh giảm	143.944.568	85.321.322
. Lãi đánh giá lại của tiền và phải thu	143.944.568	85.321.322
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	69.530.868.487	56.658.059.178
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.906.173.697	11.331.611.836
- Thuế TNDN bị truy thu do quyết toán thuế những năm trước	39.963.532	-
- Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>13.946.137.229</u>	<u>11.331.611.836</u>

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.287.009.671	22.539.691.244
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(414.350.484)	(1.126.984.562)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	80.000.000	80.000.000
Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	98	268
Lãi (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	98	268

(*) Ghi chú:

Các khoản điều chỉnh giảm để xác định lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông năm nay là dự kiến phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi theo tỷ lệ trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm trước. Số liệu chính thức sẽ được điều chỉnh khi thông qua Đại hội đồng Cổ đông năm 2024.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2023.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	308.782.671	459.042.962
Chi phí nhân công	7.406.259.296	7.575.915.448
Chi phí khấu hao tài sản cố định	970.409.606	808.563.396
Chi phí dự phòng	31.668.458.617	3.859.593.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	886.300.566	1.279.209.032
Chi phí bằng tiền khác	3.378.178.636	6.100.325.176
Cộng	44.618.389.392	20.082.649.703

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản

Hợp đồng hợp tác đầu tư dự án bất động sản cùng với Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan). Theo hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản số: 01/2016/HĐHTĐT ngày 01/03/2016 (và các phụ lục). Tổng giá trị của khoản hợp tác đầu tư của hợp đồng 01/2016/HĐHTĐT và các phụ lục đính kèm là: a) 221.400.000.000 VND. Hiện tại hợp đồng hợp tác đầu tư này đã được thanh lý theo biên bản thanh lý ngày 14/10/2023. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2023 khoản vốn góp hợp tác đầu tư và lãi phát từ việc thanh lý vẫn chưa được thu hồi. Thời hạn thu hồi chậm nhất được các bên thoả thuận trong biên bản thanh lý là ngày 14/07/2024. .

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư số: 01/HĐHTĐT -NS-ABS ngày 16/10/2023. Giá trị hợp tác đầu tư của Công ty là: b) 451.837.080.000 VND. Đến ngày 31/12/2023 Công ty đã góp vốn vào dự án nêu trên với số tiền: 357.025.000000

Nội dung hợp tác đầu tư: Góp vốn đầu tư xây dựng khu nhà cao tầng tại Khu Đô Thị Sinh Thái Năm Sao Five - Star Eco City, cùng với Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan) như sau:

+ Chủ đầu tư dự án: Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao

+ Tổng mức đầu tư dự án: 2.510.206.000.000 VND

Các bên sẽ cùng nhau hợp tác để đầu tư vào việc xây dựng và kinh doanh Khu Đô Thị Năm Sao Phước Lý tại Xã Phước Lý Huyện Cần Giuộc tỉnh Long An. Cụ thể là đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ ký hiệu OT-02 với diện tích 8.386 m² .Giá trị hợp tác đầu tư của Công ty là: 451.837.080.000 VND. Đến ngày 31/12/2023 Công ty đã góp vốn vào dự án nêu trên với số tiền: 357.025.000000

+ Khi có doanh thu, hàng năm chủ đầu tư và công ty sẽ tiến hành phân chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên. Nếu tổng lợi nhuận được chia của công ty theo quyết toán lợi nhuận của toàn bộ dự án nhỏ hơn tổng lợi nhuận đã chia hàng năm thì công ty không phải hoàn lại phần chênh lệch cho chủ đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, ngoài phát sinh khoản cầm cố thế chấp khoản vay bằng tài sản bên liên quan (V.18), doanh thu bán hàng (VI.3), doanh thu hoạt động tài chính VI.5 Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Five Star International Fertilizer (Cambodia)	Bên liên quan (*)	Thu tiền bán hàng	588.550.000
Công Ty Cổ Phần Phân Bón Công Nghệ Năm Sao	Bên liên quan (*)	Bán hàng	53.942.450.000
		Thu tiền bán hàng	30.453.000.000
		Mua hàng	1.306.700.000
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao	Bên liên quan (*)	Trả lãi	317.735.800
		Mua bất động sản	11.005.149.900
		Hợp tác đầu tư	357.025.000.000
		Mượn tiền	500.000.000
		Trả tiền mượn	7.072.000.000
Chi Nhánh Nhà Máy Phân Bón Năm Sao	Bên liên quan (*)	Trả tiền mua hàng	7.126.469.791

(*) Bên liên quan là: Công ty có cùng chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Trong năm 2023, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị		416.000.000	413.000.000
Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch	260.000.000	258.000.000
Ông Đinh Quang Sáng	Phó chủ tịch	39.000.000	39.000.000
Bà Vũ Thị Hải	Thành viên	39.000.000	39.000.000
Ông Mai Quốc Hưng	Thành viên	39.000.000	39.000.000
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên	39.000.000	38.000.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát		254.476.833	269.526.000
Bà Trương Thủy Linh	Trưởng ban	202.476.833	219.626.000
Bà Mai Thị Thanh Hải	Thành viên	26.000.000	26.000.000
Bà Nguyễn Thị Cuối	Thành viên	26.000.000	23.900.000
Thu nhập của Ban Giám đốc		1.150.301.000	1.183.661.131
Bà Trần Thị Hương	Giám đốc	637.080.000	664.805.000
Ông Đỗ Viết Hà	Phó Giám đốc	513.221.000	518.856.131
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		535.698.725	559.650.692
Ông Nguyễn Văn Thủy	Kế toán trưởng	392.304.417	402.421.292
Ông Nguyễn Đạt Châu	Phụ trách Quản trị	143.394.308	157.229.400
Cộng		2.356.476.558	2.425.837.823

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận

a) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

- Thông tin về tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chi tiêu	Số cuối năm							
	Khôi Tài chính Đầu tư	Khôi Nông Nghiệp	Khôi Xăng Dầu	Khôi Thực Phẩm	Không phân bổ	Khôi Bất động sản	Tổng cộng	
Tài sản ngắn hạn	226.104.575.405	887.897.165.358	2.827.410.308	-	3.976.215.398	851.911.500	1.121.657.277.969	
Tài sản dài hạn	425.025.000.000	4.232.888.249	7.629.663.392	-	2.186.797.707	18.473.717.181	457.548.066.529	
Tổng tài sản	651.129.575.405	892.130.053.607	10.457.073.700	-	6.163.013.105	19.325.628.681	1.579.205.344.498	
Nợ phải trả	106.002.402.941	543.538.140.547	9.570.007.407	-	6.131.567.324	-	665.242.118.219	
Chi tiêu	Số đầu năm							
	Khôi Tài chính Đầu tư	Khôi Nông Nghiệp	Khôi Xăng Dầu	Khôi Thực Phẩm	Không phân bổ	Khôi Bất động sản	Tổng cộng	
Tài sản ngắn hạn	340.200.000.000	996.542.543.518	5.048.107.133	3.805.474.500	6.098.554.865	5.264.601.400	1.356.959.281.416	
Tài sản dài hạn	289.400.000.000	4.495.155.710	8.393.096.594	-	2.386.582.831	7.637.000.000	312.311.835.135	
Tổng tài sản	629.600.000.000	1.001.037.699.228	13.441.203.727	3.805.474.500	8.485.137.696	12.901.601.400	1.669.271.116.551	
Nợ phải trả	144.913.308.734	606.375.302.212	8.821.282.841	-	3.485.006.156	-	763.594.899.943	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Khôi Tài chính			Khôi Bất động sản
		Đầu tư	Nông Nghiệp	Xăng Dầu	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.025.222.515.712	-	879.095.750.500	146.126.765.212	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.025.222.515.712	-	879.095.750.500	146.126.765.212	-
4. Giá vốn hàng bán	986.524.541.756	-	846.120.362.289	140.404.179.467	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	38.697.973.956	-	32.975.388.211	5.722.585.745	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	104.657.853.165	104.491.075.405	148.783.966	17.993.794	-
7. Chi phí tài chính	76.016.484.354	38.818.500.000	35.810.358.226	1.387.626.128	-
8. Chi phí bán hàng	5.852.109.940	720.000.000	3.194.447.785	1.937.662.155	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	38.766.279.452	3.814.500.000	34.204.580.570	747.198.882	-
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.720.953.375	61.138.075.405	(40.085.214.404)	1.668.092.374	-
11. Thu nhập khác	324.405.788	-	293.583.322	30.822.466	-
12. Chi phí khác	812.212.263	-	812.151.503	60.760	-
13. Lợi nhuận khác	(487.806.475)	-	(518.568.181)	30.761.706	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.233.146.900	61.138.075.405	(40.603.782.585)	1.698.854.080	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.946.137.229	13.606.366.473	-	339.770.756	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.287.009.671	47.531.708.932	(40.603.782.585)	1.359.083.324	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Năm trước	Khối Tài chính			Khối
		Đầu tư	Nông Nghiệp	Xăng Dầu	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.605.396.430.616		1.382.337.626.100	223.058.804.516	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	60.000.000	-	60.000.000	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.605.336.430.616	-	1.382.277.626.100	223.058.804.516	-
4. Giá vốn hàng bán	1.517.584.819.667		1.299.859.665.583	217.725.154.084	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	87.751.610.949	-	82.417.960.517	5.333.650.432	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.275.233.468		12.275.233.468	-	
7. Chi phí tài chính	44.263.638.100		42.799.336.877	1.464.301.223	
8. Chi phí bán hàng	6.051.108.067		4.155.123.603	1.895.984.464	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.031.541.636		13.078.822.037	952.719.599	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	35.680.556.614	-	34.659.911.468	1.020.645.146	-
11. Thu nhập khác	657.510.422		629.252.831	28.257.591	
12. Chi phí khác	2.466.763.956		2.244.420.703	222.343.253	
13. Lợi nhuận khác	(1.809.253.534)		(1.615.167.872)	(194.085.662)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.871.303.080	-	33.044.743.596	826.559.484	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.331.611.836		11.166.299.939	165.311.897	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.539.691.244	-	21.878.443.657	661.247.587	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN
Số 3 Nguyễn Du – TP. Phan Thiết – Bình Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Đơn vị tính: VND			
	Giá trị số sách			
	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.778.084.645	-	3.560.560.094	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.046.000		340.201.000.000	
Phải thu khách hàng	910.328.715.037	(29.847.573.939)	970.283.452.796	(5.740.080.346)
Trả trước cho người bán	7.277.474.129	(5.111.775.983)	18.955.891.420	(3.608.197.623)
Đầu tư tài chính dài hạn	68.000.000.000	-	68.000.000.000	-
Phải thu khác	601.127.104.115	(11.139.098.309)	253.957.762.152	(5.081.711.645)
Cộng	1.588.512.423.926	(46.098.448.231)	1.654.958.666.462	(14.429.989.614)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị số sách	
	31/12/2023	01/01/2023
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	7.888.216.499	144.745.031.370
Các khoản vay	592.856.495.407	534.397.000.000
Chi phí phải trả	39.436.051.092	470.411.681
Các khoản phải trả khác	1.278.450.509	48.085.558.241
Cộng	641.459.213.507	727.698.001.292

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

41
CÓM
KACH NHIỆ
DỊCH VỤ
ÀI CHÍNH
VÀ KIỂM
NAM
VI - TP.

11/12/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định và tài sản của bên thứ ba để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.9, V10 & V18). Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là khoản tiền nhận ký quỹ (xem thuyết minh số V.17) để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng.

7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 10 năm	Cộng
Số cuối năm	640.521.713.507	937.500.000	641.459.213.507
Các khoản vay	592.216.495.407	640.000.000	592.856.495.407
Phải trả người bán	7.888.216.499	-	7.888.216.499
Phải trả khác	980.950.509	297.500.000	1.278.450.509
Chi phí phải trả	39.436.051.092	-	39.436.051.092
Số đầu năm	726.520.501.292	1.177.500.000	727.698.001.292
Các khoản vay	533.517.000.000	880.000.000	534.397.000.000
Phải trả người bán	144.745.031.370	-	144.745.031.370
Phải trả khác	47.788.058.241	297.500.000	48.085.558.241
Chi phí phải trả	470.411.681	-	470.411.681

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

84-C...
TY
HỮU HẠN
VẤN
TỔNG QUẢN
TOÁN
LIỆT
S CHÍN
3382278
VGT
PHÂN
ÔNG NGHIỆP
THUẬN
T.BINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, công ty có các khoản gốc vay và khoản lãi vay đã quá hạn thanh toán (theo hợp đồng gốc) với giá trị lần lượt là: 536.249.075.407 VND (gốc vay) và 39.280.858.280 VND (lãi vay), tuy nhiên những khoản gốc và lãi vay này đã được ngân hàng gia hạn thời hạn thanh toán thêm 12 tháng so với thời hạn trong hợp đồng gốc ban đầu. Những vấn đề này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty.

Người lập biểu



Trần Thị Ánh Nga
Bình Thuận, Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Văn Thủy

Giám Đốc



Trần Thị Hương

